

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục, 2005, tr. 36 - 37)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, thời gian có những giá trị nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của phép điệp được sử dụng trong văn bản. (1,0 điểm)

Câu 4. Từ ý nghĩa được gọi ra từ văn bản, anh/chị tâm đắc nhất với giá trị thời gian nào? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu ở phần Đọc hiểu: “Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá”.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình qua hai đoạn thơ sau:

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mon mòn

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng

Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng

Cho no nê thanh sắc của thời tươi.

(Trích *Vội vàng* - Xuân Diệu, Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, tr.23)

Làm sao được tan ra
 Thành trăm con sóng nhỏ
 Giữa biển lớn tình yêu
 Để ngàn năm còn vỗ.

(Trích *Sóng* - Xuân Quỳnh, *Ngữ văn 12, Tập một*, NXB Giáo dục, tr.156)

----- Hết -----

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM

NỘI DUNG		ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU		3,0
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận	0,5
Câu 2	Theo tác giả Phương Liên, thời gian có những giá trị: <i>thời gian là sự sống, thời gian là thắng lợi, thời gian là tiền, thời gian là tri thức.</i>	0,5
Câu 3	Tác dụng của phép điệp trong văn bản (<i>Thời gian là....</i>): nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.	1,0
Câu 4	Học sinh có thể chọn và lí giải một giá trị của thời gian mà bản thân tâm đắc nhất (có thể chọn một giá trị đã nêu trong văn bản hoặc ngoài văn bản mà bản thân tâm đắc).	1,0
II. LÀM VĂN		
Câu 1: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến nêu trong văn bản ở phần Đọc hiểu trên: <i>“Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá”</i> .		2,0
a. Yêu cầu về hình thức: Đảm bảo đúng cấu trúc đoạn văn nghị luận, dung lượng khoảng 200 chữ.		0,25
b. Yêu cầu về nội dung: Xác định đúng vấn đề, vận dụng tốt các thao tác lập luận để viết đoạn văn cơ bản đạt các nội dung sau:		
- Giải thích: Thời gian quý giá như vàng, nhưng vàng thì có thể mua được, còn thời gian thì không mua được nên thời gian là vô giá.		0,25
- Bàn luận:		
+ Khẳng định ý kiến trên hoàn toàn đúng. Thời gian trôi qua rất nhanh và không bao giờ trở lại. Do đó thời gian không thể mua được. Thời gian không thể đánh đổi bằng bất cứ một vật có giá trị nào, cho dù đó là vàng...		1,25
+ Phê phán những kẻ không biết quý trọng thời gian, sử dụng thời gian vào những việc làm vô bổ.		0,25
- Bài học nhận thức và hành động: Nhận thức được giá trị của thời gian, từ đó có ý thức tận dụng thời gian, sắp xếp thời gian hợp lý để thực hiện những việc có ích...		
Câu 2: Trình bày cảm nhận về <i>khát vọng tình yêu</i> của nhân vật trữ tình qua hai đoạn thơ trích trong bài thơ <i>Vội vàng</i> - Xuân Diệu và <i>Sóng</i> - Xuân Quỳnh.		5,0
a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài		0,5

nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình trong hai đoạn thơ.	0,5
c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	3,0
<p>- Giới thiệu khái quát về hai tác giả và hai đoạn thơ.</p> <p>- Cảm nhận về hai đoạn thơ:</p> <p>+ <i>Đoạn thơ trong bài Vội vàng của Xuân Diệu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Đoạn thơ thể hiện “cái tôi” ham sống, muốn tận hưởng cuộc đời mãnh liệt. Như một tuyên ngôn của lòng mình, nhà thơ tự xác định một thái độ sống gấp, tận hưởng vì cảm nhận cái hữu hạn của cuộc đời (<i>Mau đi thôi ! Mùa chưa ngả chiều hôm</i>); ý thức chiếm lĩnh, tận hưởng cuộc sống ở mức độ cao nhất (<i>chênh choáng, đã đây, no nê</i>) những gì tươi đẹp nhất (<i>mùi thơm, ánh sáng, thời tươi</i>). ❖ Các yếu tố nghệ thuật như điệp từ, điệp cấu trúc câu, động từ mạnh.. góp phần thể hiện cái hối hả, gấp gáp, cuống quýt của tâm trạng, khiến nhịp điệu đoạn thơ sôi nổi, cuồng nhiệt. <p>+ <i>Đoạn thơ trong bài Sóng của Xuân Quỳnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Đoạn thơ thể hiện khát vọng lớn lao, cao cả trong tình yêu: ước mong được tan hòa <i>cái tôi</i> nhỏ bé - con sóng cá thể, thành <i>cái ta</i> chung rộng lớn - “<i>trăm con sóng</i>” giữa biển cả mênh mông để tình yêu trở thành bất tử. ❖ Thể thơ năm chữ, hình tượng “sóng” vừa mang tính ẩn dụ, vừa giàu tính thẩm mỹ. <p>- So sánh:</p> <p>+ Điểm tương đồng: Cả hai đoạn thơ đều thể hiện được tình yêu mãnh liệt, trào dâng của nhân vật trữ tình; khao khát vượt qua giới hạn nhỏ hẹp để thỏa mãn tình yêu rộng lớn; có sự kết hợp giữa cảm xúc và triết lí; sử dụng thể thơ tự do.</p> <p>+ Điểm khác biệt: Tình yêu trong <i>Sóng</i> là tình yêu lứa đôi còn tình yêu trong <i>Vội vàng</i> là tình yêu cuộc sống. Khát vọng trong <i>Sóng</i> là khát vọng bất tử hóa, vĩnh viễn hóa tình yêu còn khát vọng trong <i>Vội vàng</i> là khát vọng được tận hưởng hết vẻ đẹp của cuộc sống của trần gian. Cảm xúc của nhân vật trữ tình trong <i>Sóng</i> là cảm xúc lắng sâu, tha thiết, đắm thắm còn trong <i>Vội vàng</i> là đắm say, cuồng nhiệt, vồ vập.</p> <p>Điểm khác biệt không chỉ nằm ở phong cách thơ mà còn trong cách “<i>ứng xử</i>” của mỗi nhà thơ trước sự “<i>chảy trôi</i>” của thời gian. Xuân Diệu chọn cách sống gấp gáp, tận hưởng. Xuân Quỳnh lại thể hiện khát vọng muốn được tan hòa cái riêng vào cái chung để tình yêu trở thành bất tử ...</p> <p>Về nghệ thuật: ở <i>Sóng</i>, Xuân Quỳnh sử dụng thể thơ ngũ ngôn với những câu thơ nhịp nhàng, đều đặn gọi âm điệu của tiếng sóng biển, hình ảnh giản dị giàu sức gợi; còn ở <i>Vội</i></p>	

<i>vàng</i> , Xuân Diệu sử dụng thể thơ tự do với những câu thơ dài ngắn không đều nhau, hình ảnh tươi mới, tràn đầy sức sống, cách ngắt nhịp nhanh mạnh, giọng thơ sôi nổi.	
5. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,5
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: Phần I + Phần II = 10,0 điểm	

Lưu ý chung:

- Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm đối với những bài viết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải diễn đạt chặt chẽ, lưu loát, có cảm xúc.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và có ý nghĩa tích cực.
- Không cho điểm cao đối với những bài viết chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

TRƯỚC ĐÁ MỊ CHÂU

(Trần Đăng Khoa)

[...] Tôi đứng lặng trước em

Không phải trước lỗi lầm

biến em thành đá cuội

Nhớ vận nước có một thời chìm nổi

Bắt đầu từ một tình yêu

Em hoá đá trong truyền thuyết

Cho bao cô gái sau em

Không còn phải hoá đá trong đời

Có những lỗi lầm phải trả bằng cả

một kiếp người

Nhưng lỗi lầm em lại phải trả bằng

máu toàn dân tộc

Máu vẫn thấm qua từng trang tập đọc

Vó ngựa Triệu Đà còn đau đến hôm nay...

(Cổ Loa 12 – 3- 1974)

Câu 1: Đoạn trích trên gọi anh/chị liên tưởng đến truyền thuyết nào của Việt Nam? Hãy kể thêm tên một truyền thuyết khác mà anh/chị biết. (0,5 điểm)

Câu 2: Vì sao tác giả viết: “Em hoá đá trong truyền thuyết/Cho bao cô gái sau em/Không còn phải hoá đá trong đời”? (0,5 điểm)

Câu 3: Anh/Chị hãy lí giải cách hiểu của mình về câu thơ “Máu vẫn thấm qua từng trang tập đọc/Vó ngựa Triệu Đà còn đau đến hôm nay...”. (1,0 điểm)

Câu 4: Điều anh/chị tâm đắc nhất trong đoạn trích trên? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về lỗi lầm của con người trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn văn sau:

[...] Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên ngồi thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chọt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

(Vợ chồng A Phủ – Tô Hoài, Ngữ văn 12, Tập hai, tr13, NXB GD 2008)

[...] Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút con giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

(Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu, Ngữ văn 12, Tập hai, tr71-71, NXB GD 2008)

..... Hết.....

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM

I/ Phần đọc hiểu

1.Văn bản gọi liên tưởng đến truyền thuyết “Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy”. Kể thêm tên của một truyền thuyết khác: Ví dụ: “Sơn Tinh, Thủy Tinh”, “Bánh chưng, bánh giầy”,...

2. Tác giả viết: “Em hoá đá trong truyền thuyết/Cho bao cô gái sau em/Không còn phải hoá đá trong đời” vì sự hoá đá của Mị Châu là bài học về tinh thần cảnh giác, bài học về việc giải quyết mối quan hệ giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, cá nhân với cộng đồng, tình yêu đôi lứa và tình yêu đất nước; để các cô gái sau Mị Châu không bao giờ phạm phải sai lầm và bị trừng phạt đau đớn như nàng.

3. Câu thơ diễn tả nỗi đau mất nước của toàn dân tộc, nỗi đau thấm máu ấy không chỉ là nỗi đau của hai nghìn năm trước mà còn được nhân dân ta truyền lại cho con cháu qua từng trang tập đọc và nỗi đau ấy còn đau đớn đến ngày hôm nay. Mỗi lần nhớ tới vó ngựa Triệu Đà, kẻ xâm lược, trái tim mỗi người dân Việt dường như lại thấm máu.

4. Thí sinh tự bày tỏ điều mình tâm đắc nhất qua văn bản, nhưng cần có sự lí giải thuyết phục, thiện chí thì mới cho điểm tối đa. Nếu thí sinh chép lại văn bản thì cho 0,0 điểm

II/ Phần làm văn

Câu 1:

* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội, bố cục chặt chẽ, lí lẽ xác đáng, diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,..

* Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

a. Giải thích: Lỗi lầm là những sai lầm, tội lỗi con người mắc phải và để lại những hậu quả đáng tiếc cho mình và mọi người.

b. Bình luận, mở rộng

- Trong cuộc sống, không ai có thể tránh khỏi những lỗi lầm. Vì cuộc sống có nhiều khó khăn, thử thách; khả năng của con người là có giới hạn; đôi khi chỉ vì quá chủ quan, nhẹ dạ cả tin vào người khác mà con người dễ dàng mắc phải lỗi lầm.

- Lỗi lầm để lại hậu quả đáng tiếc cho bản thân người phạm phải, nhưng có khi lỗi lầm của một cá nhân dẫn đến sự an nguy, tồn vong của cả một quốc gia, dân tộc. Vì thế, có những lỗi lầm có thể tha thứ, có những lỗi lầm không thể tha thứ. Người phạm phải lỗi lầm thường sống trong dằn vặt, đau khổ và nhiều khi phải trả giá bằng cả “một kiếp người”, thậm chí là “máu của một dân tộc”.

- Phê phán những người không có ý thức rèn luyện bản thân, gây ra lỗi lầm đáng tiếc.

c. Bài học

- Nhận thức: Cần nhận thức, lỗi lầm là một điều tất yếu của cuộc sống, nhưng không vì thế mà liên tiếp phạm lỗi lầm, vì hậu quả của những lầm lỗi nhiều khi rất khó cứu vãn. Khi mắc lỗi cần trung thực, nghiêm khắc nhận lỗi và thay đổi để hoàn thiện bản thân.

- Hành động: Để hạn chế tối đa những lỗi lầm, con người cần tỉnh táo, rèn cho mình một bản lĩnh, trí tuệ, suy nghĩ thấu đáo trước khi quyết định một vấn đề.

Câu 2:

* Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết cách làm bài so sánh văn học. Bố cục rõ ràng, biết kết hợp các thao tác lập luận so sánh, phân tích để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt; diễn đạt trong sáng, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn. Văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.

* Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a. Vài nét về tác giả, tác phẩm, đoạn trích: Thí sinh có thể mở bài theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp nhưng cần giới thiệu được hai nhà văn, hai tác phẩm và hai đoạn trích.

b. Cảm nhận hai đoạn văn

b.1. Về đoạn văn trong “Vợ chồng A Phủ”

* Nội dung

- Đoạn văn miêu tả nỗi buồn, sự cô đơn héo hắt, sự chai sạn vô cảm lạnh lùng của Mị trước nỗi đau khổ, tuyệt vọng của A Phủ cũng như hành động độc ác, thô bạo của A Sử.

- Qua đoạn văn, người đọc thấy được tội ác của bọn thống trị miền núi đã chà đạp lên nhân phẩm, quyền sống của con người, làm con người bị tê liệt ý thức phản kháng và cạn khô nguồn nhựa sống...

* Nghệ thuật

- Miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế, ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm, lắng đọng sâu xa....

- Hình ảnh ngọn lửa được miêu tả đầy sức ám ảnh để làm nổi bật sự lạnh lẽo, tê dại trong tâm hồn nhân vật và chuẩn bị cho tình huống có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc ở phần tiếp theo.

b.2. Về đoạn văn trong “Chiếc thuyền ngoài xa”

* Nội dung

- Đoạn văn miêu tả hành động vũ phu, thô bạo của lão đàn ông đối với người vợ và thái độ cam chịu nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài.

- Qua đoạn văn, người đọc thấy được nỗi đau khổ của con người trong cuộc sống mưu sinh thường nhật. Vì cuộc sống nghèo khổ, chật vật mà con người trở nên độc ác, đày đọa lẫn nhau.

* Nghệ thuật

- Miêu tả sâu sắc nội tâm nhân vật, ngôn ngữ giản dị nhưng trĩu nặng trĩu, suy tư về cuộc đời, thân phận con người.

- Sử dụng thủ pháp đối lập giữa hành động thô bạo của lão đàn ông và thái độ cam chịu của người đàn bà, giữa hành động bên ngoài và suy nghĩ sâu sắc ở bên trong...

b.3. Về sự tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn văn

- Tương đồng: Cùng miêu tả nỗi đau khổ đến thành chai sạn, vô cảm của con người bằng ngòi bút miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế và một trái tim đồng cảm, yêu thương.

- Khác biệt:

+ Đoạn văn của Tô Hoài miêu tả nỗi đau khổ của người lao động dưới sự thống trị tàn bạo của bọn phong kiến chúa đất miền núi; qua đó, tố cáo tội ác của bọn thống trị, ngợi ca khát vọng sống, khát vọng tự do mãnh liệt của con người.

+ Đoạn văn của Nguyễn Minh Châu miêu tả nỗi đau khổ của con người do hoàn cảnh sống nghèo khổ xô đẩy qua tình huống nhận thức, phát hiện những nghịch lý của cuộc sống, từ đó nhà văn gửi gắm những suy tư mang tính triết lý sâu sắc về cuộc sống và nghệ thuật.

c. Đánh giá: Khẳng định lại giá trị hiện thực và nhân đạo của hai tác phẩm cùng những sáng tạo của hai nhà văn cho nền văn học dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 3

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản trích sau và trả lời từ câu 1 đến câu 4.

“Nhà” đối với những người xa quê hương chính là cái dải đất hình chữ S nhỏ nhắn bên bờ biển Đông, và đối với những phi hành gia làm việc trên trạm không gian, nhà có thể chính là viên ngọc xanh tuyệt đẹp ngoài vũ trụ kia đang quay rất chậm.

“Nhà” cũng có thể là tình yêu của một ai đó dành cho ta, là trái tim ấm áp của một ai đó, nơi mà ta luôn ao ước được chạy đến náu mình. Để tìm lại sự bình yên.

“Nhà” chỉ là một từ ngắn ngủi, nó không đồng nghĩa với sự bình yên, nhưng chúng ta vẫn luôn khao khát rằng nó gắn với sự bình yên. Và khi nào “nhà” trái nghĩa với bình yên thì đó là khởi đầu của sự bất hạnh.

Tôi tin rằng, mái nhà nào cũng từng có lúc đồng nghĩa với niềm vui và cả sự bình yên. Nhưng bạn của tôi ơi, sự bình yên của nhà không phải là điều có sẵn. “Nhà” là phần cứng, còn sự bình yên, hạnh phúc, niềm vui là phần mềm. Gia đình là phần cứng, còn tình yêu và sự thấu hiểu là phần mềm.

Vậy cho nên, sự bình yên là thứ phải được thiết lập, và vì thế, có thể tái thiết lập. Nếu ta là một phần của “nhà”, dù chỉ là một phần nhỏ, nếu ta thật mong muốn mái nhà thân yêu của ta có được sự bình yên, hay lại có nó một lần nữa, thì ta phải tham gia vào quá trình thiết lập đó, bằng một nụ cười xoa dịu, bằng một câu nói vị tha, bằng sự yêu thương nhẫn nhịn, bằng trái tim sẵn sàng sẻ chia, bằng một cái nắm tay thấu hiểu, hay có thể bằng một giọt nước mắt. Dù thế nào, cũng không phải bằng sự buông xuôi. Để kéo những trái tim về gần với nhau. Để biến “nhà” thành một nơi ta phải luyến tiếc khi rời xa và luôn mong mỏi quay về.

(Trích: “*Nếu biết trăm năm là hữu hạn*” – Truyện ngắn của Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Cho biết văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Gọi tên phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? (1,0 điểm)

Câu 2. Hãy đặt nhan đề cho đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 3. Theo tác giả, khi "nhà" trái nghĩa với bình yên, điều gì sẽ xảy ra? (0,5)

Câu 4: Quan điểm của anh/ chị về thông điệp sống được truyền tải trong đoạn văn?(1,0)

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1 (2,0 điểm):

"Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận".(Euripides)

Anh (chị) hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên?

Câu 2 (5,0 điểm):

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ của nhà văn Tô Hoài (*Sách Ngữ Văn 12 Tập 2, NXB Giáo Dục, 2007*).

Liên hệ với tâm trạng của nhân vật Liên khi đợi tàu trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của nhà văn Thạch Lam (*Sách Ngữ Văn 11 Tập 1, NXB Giáo Dục, 2007*). Từ đó nhận xét sự gặp gỡ về tư tưởng nhân đạo của hai tác giả.

ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Phần đọc hiểu	1.	Đọc đoạn văn bản trích và trả lời từ câu 1 đến 4:	3,0
		Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.	0,5
		Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận	0,5
	2.	Học sinh đặt nhan đề bao quát, làm nổi bật nội dung đoạn văn: <i>"Nhà"/ Nhà là nơi để về/ Nhà – chốn bình yên, ...</i>	0,5
	3	Theo tác giả, khi "nhà" trái nghĩa với bình yên, <i>thì đó là khởi đầu của sự bất hạnh.</i>	0,5
4	Đoạn văn truyền tải một thông điệp sống có ý nghĩa sâu sắc: - "Nhà" là nơi gắn bó thân thiết của chúng ta. - Mỗi người cần có trách nhiệm xây đắp ngôi nhà thân yêu của mình bằng "tình yêu", sự "thấu hiểu", "sẻ chia", "tấm lòng vị tha", để gắn kết yêu thương. Để biến "nhà" thành chốn bình yên ta luôn mong mỏi quay về...	1,0	
Phần làm văn		<i>"Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận"</i> .	2.0
		Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:	0,25
		Bài làm phải đảm bảo cấu trúc đoạn văn và bố cục 3 phần: Mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn; dung lượng khoảng 2/3 trang giấy thi. Nội dung trình bày rõ ràng, mạch lạc, thể hiện sâu sắc suy nghĩ của bản thân về ý kiến của Euripides về gia đình.	0,25
		Cần đảm bảo nội dung sau:	

1	- Giới thiệu và giải thích ý nghĩa câu nói: đã nêu lên vai trò, giá trị của gia đình đối với con người.	0,25
	- Khẳng định câu nói đúng: bởi đã nhìn nhận thấy được vai trò, giá trị to lớn của gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cá	0,25
	- Gia đình là cái nôi hạnh phúc của con người , nơi ta được nuôi dưỡng, chăm sóc, yêu thương, được đùm bọc, chở che, chia sẻ giúp con người vượt qua được những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống.	0,5 0,25
	- Tuy nhiên, trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều người ngay từ khi sinh ra đã không được sự chở che, đùm bọc, giúp đỡ, nâng đỡ của gia đình vẫn có thể vượt lên tai ương số phận. Và khi gia đình không có sự bình yên thì đó có thể đó sẽ là khởi đầu của sự bất hạnh.	0,5
	- Câu nói trên đã đặt ra vấn đề cho mỗi con người, xã hội: cần biết trân quý và có ý thức xây dựng gia đình bình yên, hạnh phúc. Muốn làm được điều đó, trong gia đình mọi người phải biết thương yêu, đùm bọc chở che nhau; ...	
Sáng tạo: Có các diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,25	
2	<i>Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ của nhà văn Tô Hoài. Liên hệ với tâm trạng của nhân vật Liên khi đợi tàu trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của nhà văn Thạch Lam</i>	5,0
	- Đảm bảo cấu trúc về bài văn nghị luận: Có đủ các phần thân bài, mở bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề; thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/đoạn văn; kết bài kết luận được vấn đề.	0,5
	Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
	1. Giới thiệu chung – Giới thiệu về tác giả Tô Hoài; Nhân vật Mị trong cảnh đêm tình mùa xuân. – Giới thiệu về tác giả Thạch Lam; Cảnh chờ đợi chuyến tàu đêm của Liên và An. Hai nhà văn đều đi sâu khám phá vẻ đẹp tâm hồn con người lao động.	0,25
	Cảm nhận : 2.1. Cảm nhận hình tượng nhân vật Mị trong cảnh mùa xuân ở Hồng Ngài – Mị có phẩm chất tốt đẹp nhưng bị đày đọa cả về thể xác và tinh thần	1,25

	<p>+ Là con dâu gạt nợ, Mị bị đối xử như một nô lệ. Mị sống khổ nhục hơn cả súc vật, thường xuyên bị A Sử đánh đập tàn nhẫn. Mị sống như một tù nhân trong căn buồng chật hẹp, tối tăm.</p> <p>+ Sống trong đau khổ, Mị gần như vô cảm “ngày càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”.</p> <p>- Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân: tiếng sao đã đánh thức cả một thời kí ức dào sức sống và làm bật trong Mị bao cảm xúc, khát khao.</p> <p>+ Mị uống rượu để quên hiện tại đau khổ. Mị nhớ về thời con gái, Mị sống lại với niềm say mê yêu đời của tuổi trẻ.</p> <p>+ Tiếng sáo (biểu tượng của tình yêu và khát vọng tự do) từ chỗ là hiện tượng ngoại cảnh đã đi sâu vào tâm tư Mị.</p> <p>+ Mị thấp đèn như thấp lên ánh sáng chiếu rọi vào cuộc đời tăm tối. Mị chuẩn bị đi chơi nhưng bị A Sử trói lại; tuy bị trói nhưng Mị vẫn tưởng tượng và hành động như một người tự do, Mị vùng bước đi.</p> <p>→ Bên trong hình ảnh “con rùa nuôi trong xó cửa” vẫn đang còn một con người khát khao tự do, hạnh phúc, vẫn nồng nàn những ước vọng của tuổi thanh xuân. Gió rét dữ dội cũng không ngăn được sức xuân tươi trẻ trong thiên nhiên và con người, tất cả đánh thức tâm hồn Mị.</p> <p>- Khái quát nghệ thuật</p> <p>+ Bút pháp hiện thực sắc sảo, nghệ thuật phân tích tâm lí tinh tế, Tô Hoài đã xây dựng thành công nhân vật Mị.</p> <p>+ Mị chính là điển hình sinh động cho sức sống tiềm tàng, sức vươn lên mạnh mẽ của con người từ trong hoàn cảnh tăm tối hướng tới ánh sáng của nhân phẩm và tự do.</p>	
	<p>2. Tâm trạng của Liên khi đợi tàu</p> <p>- Dù đã đến đêm khuya, "An và Liên đã buồn ngủ riu cả mắt nhưng hai chị em vẫn gượng để thức khuya để đợi chuyến tàu với tâm trạng háo hức, đầy kiên nhẫn..</p> <p>- Nguyên nhân khiến 2 chị em Liên đợi tàu: xuất phát từ cuộc sống tù túng nghèo nàn và tâm hồn phong phú đa cảm của 2 đứa trẻ.</p> <p>- Chuyến tàu, gợi Liên nhớ về Hà Nội xa xăm, rục rờ và huyền ảo – là hình ảnh của quá vãng tuổi thơ yên bình.</p> <p>- Đoàn tàu như mang một thế giới khác đi qua, "Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu", thế giới đó chứa chan những giàu sang, hạnh phúc. Đoàn tàu mang theo một niềm hi vọng, là thứ ánh sáng của "chùng ấy con người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng</p>	1.0

	cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ" – là hình ảnh của ước vọng, khát khao => Thạch Lam đã thể hiện niềm trân trọng, thương xót đối với những kiếp người nhỏ bé nghèo nàn tăm tối, quẩn quanh, bế tắc nơi phố huyện.	
	c. Điểm gặp gỡ về tư tưởng nhân đạo của hai tác giả: + Cả hai nhà văn đều thể hiện tấm lòng xót thương, đồng cảm với những con người nhỏ bé, bất hạnh, phải chịu nhiều thiệt thòi, đau khổ. + Cả hai đều phát hiện và nâng niu, trân trọng vẻ đẹp ở những con người bất hạnh, đáng thương: sức sống tiềm tàng mãnh liệt, ước mơ, khao khát thay đổi cuộc sống...	1,0
	Sáng tạo: Có các điển đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,5
	Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 4

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Sau khi tốt nghiệp, chắc chắn bạn sẽ dẫn thân vào thị trường lao động ngay khi có thể. Nếu bạn sở hữu những kỹ năng mềm dưới đây thì cơ hội thành công của bạn rất cao. Theo bạn, đó là những kỹ năng gì? Chúng tôi sẽ gợi ý một số kỹ năng mà các bạn sinh viên mới ra trường cần có: kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng sử dụng máy móc công nghệ, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thích nghi nhanh và kỹ năng giao tiếp.

[...] Mục đích của giao tiếp là phải truyền tải được các thông điệp. Muốn truyền tải thành công, những suy nghĩ cũng như ý tưởng của bạn phải truyền đi một cách hiệu quả nhất. Nếu không, những ý tưởng của bạn sẽ không được phản ánh, gây hiểu lầm và tạo ra những rào cản để bạn đạt được mục tiêu. Brian Tracy, một trong diễn giả hàng đầu thế giới trong lĩnh vực tư vấn quản trị nhân sự đã nói: "Để thành công trong cuộc sống, công việc và sự nghiệp, bạn cần học kỹ năng giao tiếp. 85% thành công của bạn sẽ được quyết định bởi chính khả năng xây dựng các mối quan hệ của mình và chỉ có 15% được quyết định bởi bằng cấp, kiến thức và trí thông minh của bạn". Giao tiếp hiệu quả chính là bí

quyết thành công của mỗi người trong cuộc sống. Giao tiếp không đơn thuần là một kỹ năng mà thực chất là một nghệ thuật. Và bạn là một nghệ sĩ, một diễn viên, một người viết kịch bản đồng thời là một đạo diễn tạo nên thành công của mình trước công chúng. Giao tiếp là một kỹ năng đòi thường và cũng là một nhu cầu cơ bản của con người. Nói chuyện với người khác, trao đổi thông tin với người khác là một việc không dễ và thật sự khó khăn để bạn có thể tạo ấn tượng với họ khi giao tiếp.

(Trích 50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường, NXB Khoa học xã hội, 2016, tr. 293-294)

Câu 1: Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: Tác giả đã nêu ra những kỹ năng mềm nào mà bạn sinh viên mới ra trường cần có? Đoạn trích chủ yếu bàn về kỹ năng gì?

Câu 3: Tại sao *giao tiếp không đơn thuần là một kỹ năng mà thực chất là một nghệ thuật*?

Câu 4: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *Và bạn là một nghệ sĩ, một diễn viên, một người viết kịch bản đồng thời là một đạo diễn tạo nên thành công của mình trước công chúng.*

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, anh / chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến Brian Tracy: *Để thành công trong cuộc sống, công việc và sự nghiệp, bạn cần học kỹ năng giao tiếp.*

Câu 2 (5.0 điểm)

Truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao và truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân đều viết về tình cảnh người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhưng cách kết thúc truyện lại không giống nhau.

Anh / chị hãy chỉ ra sự khác nhau trong cách kết thúc của hai thiên truyện. Giải thích lí do vì sao có sự khác nhau ấy. Mỗi cách kết thúc mang đến những ý nghĩa gì?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM MÔN NGỮ VĂN

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.

- Cần linh động trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

Câu 1: Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích: Bình luận

- Điểm 0,5: trả lời đúng

- Điểm 0,0: trả lời sai

Câu 2: Những kỹ năng mềm mà bạn sinh viên mới ra trường cần có: kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng sử dụng máy móc công nghệ, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thích nghi nhanh và kỹ năng giao tiếp. Đoạn trích bàn về kỹ năng giao tiếp.

- Điểm 0,5: Ghi lại chính xác.

- Điểm 0,0: Ghi sai, thiếu, sơ sài.

Câu 3: Giao tiếp không đơn thuần là một kỹ năng mà thực chất là một nghệ thuật, bởi vì:

+ Giao tiếp là *một kỹ năng*: Giao tiếp có những phương cách, quy chuẩn riêng mà không phải ai ngay từ khi sinh ra cũng đã được sở hữu. Học để vận dụng những phương cách, quy chuẩn ấy vào giao tiếp là một kỹ năng.

+ Giao tiếp thực chất là *một nghệ thuật*: Giao tiếp hiệu quả đòi hỏi phải có sự tinh tế, khéo léo, linh hoạt, nhanh nhạy, Khi giao tiếp đến đạt *tâm cao*, trình độ bậc thầy, giao tiếp nâng lên thành một thứ *nghệ thuật*.

- Điểm 1,0: trả lời đúng.

- Điểm 0,5: trả lời đúng một nửa, sơ sài.

- Điểm 0,0: trả lời sai

Câu 4:

+ Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: so sánh, ẩn dụ, liệt kê.

+ Tác dụng: Khẳng định, nhấn mạnh giao tiếp là một nghệ thuật và vai trò của mỗi cá nhân trong việc tạo nên, thể hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ đối với thành công của quá trình giao tiếp. Làm cho câu văn giàu hình ảnh, sinh động, không khô khan.

- Điểm 1,0: trả lời đúng hai biện pháp và nêu đúng tác dụng.

- Điểm 0,5: trả lời đúng một nửa, sơ sài.

- Điểm 0,0: trả lời sai

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

*** Yêu cầu về hình thức:**

- Viết đúng đoạn văn, 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,..

*** Yêu cầu về nội dung:** thí sinh có thể trình bày quan điểm riêng của mình miễn sao đoạn văn được triển khai một cách tự nhiên, hợp lý, thuyết phục. Có thể đảm bảo một số ý sau:

1. Giải thích câu nói:

- Thành công trong cuộc sống, công việc và sự nghiệp: Đạt được kết quả tốt đẹp như mong muốn trong mọi lĩnh vực.

- Kỹ năng giao tiếp: Khả năng vận dụng những phương thức, quy chuẩn của quá trình trao đổi thông tin, bộc lộ tư tưởng, tình cảm,... vào thực tế đời sống.

2. Bình luận:

- Sự cần thiết, ý nghĩa của kỹ năng giao tiếp:

+ Kỹ năng giao tiếp tốt: Việc truyền - lĩnh hội thông tin sẽ đạt hiệu quả cao, xây dựng được các mối quan hệ tốt đẹp, tạo đà thăng tiến trong lòng người, trong sự nghiệp (*kèm theo dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề*).

+ Kỹ năng giao tiếp hạn chế: Sự đổ vỡ trong giao tiếp, tự tạo rào cản trên con đường dẫn đến thành công (*kèm theo dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề*).

- Mở rộng vấn đề:

+ Kỹ năng giao tiếp không phải là thứ dốc hết hầu bao ra là mua được. Phải học tập, rèn luyện mới có quyền sở hữu.

+ Kỹ năng giao tiếp kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn với các kỹ năng mềm khác, với tri thức, trí thông minh,... thì thành công có vững bền hơn.

3. Bài học nhận thức, hành động và liên hệ bản thân.

* Cho điểm

- Điểm 2,0: Đáp ứng được các yêu cầu trên

- Điểm 1,5: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm còn chưa đầy đủ hoặc liên kết chưa thật chặt chẽ

- Điểm 1,0: Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 0,5: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

Câu 2 (5,0 điểm):

* **Yêu cầu hình thức:** Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận về hai tác phẩm văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp

* **Yêu cầu nội dung:**

1. Giới thiệu chung:

- *Chí Phèo* xứng đáng là một kiệt tác, kết tinh thành tựu truyện ngắn của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Còn *Vợ nhặt* là một truyện ngắn xuất sắc, tên tuổi Kim Lân gắn liền với thiên truyện nổi

tiếng này.

- Hai tác phẩm trên đều viết về tình cảnh người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhưng cách kết thúc truyện lại khác nhau.

2. Phân tích, giải thích và nêu ý nghĩa:

- Sự khác nhau trong cách kết thúc của hai thiên truyện:

+ Truyện ngắn *Chí Phèo* kết thúc bằng cách lặp lại hình ảnh cái lò gạch đã xuất hiện ở phần đầu tác phẩm. Khi nghe tin Chí Phèo chết, Thị Nở nhìn nhanh xuống bụng và trong óc thị thoáng hiện ra hình ảnh cái lò gạch cũ bỏ không và vắng người qua lại.

+ Còn truyện ngắn *Vợ nhặt* kết thúc bằng hình ảnh hiện lên trong óc nhân vật Tràng: đoàn người đi phá kho thóc của Nhật cùng với lá cờ đỏ của Việt Minh bay phấp phới. Hình ảnh này đối lập với những hình ảnh về cuộc sống thê thảm của người nông dân được miêu tả ở những phần trước của thiên truyện.

- Giải thích lí do về sự khác nhau trong hai cách kết thúc truyện:

+ Do hoàn cảnh sáng tác và hoàn cảnh lịch sử xã hội khác nhau: *Chí Phèo* là tác phẩm viết trước Cách mạng (viết năm 1941) trong hoàn cảnh đen tối của xã hội Việt Nam đương thời. Còn *Vợ nhặt* viết sau năm 1945 (in trong tập *Con có xấu xí*, 1962) khi quần chúng nhân dân đã được cách mạng giải phóng.

+ *Chí Phèo* thuộc trào lưu văn học hiện thực phê phán, thời điểm mà nhà văn chưa nhìn thấy lối thoát cho những người nông dân nghèo khổ, cùng quẫn. Còn *Vợ nhặt* là tác phẩm của nền văn học cách mạng từ sau năm 1945, nhà văn có khả năng và sự cần thiết chỉ ra chiều hướng phát triển tích cực của đời sống xã hội.

+ Do ý đồ nghệ thuật của mỗi nhà văn trong từng tác phẩm.

- Ý nghĩa của mỗi cách kết thúc:

+ Kết thúc của truyện ngắn *Chí Phèo* đầy ám ảnh, góp phần tạo nên kết cấu theo kiểu vòng tròn, thể hiện lẫn quẫn, bế tắc của số phận người nông dân, đồng thời cho thấy “hiện tượng Chí Phèo” vẫn tiếp tục tồn tại trong xã hội cũ.

+ Còn kết thúc truyện ngắn *Vợ nhặt* mở ra hướng giải thoát cho số phận của các nhân vật, chỉ ra con đường sống của những người nông dân và cho thấy khi bị đẩy vào trình trạng đói khát cùng đường thì những người nông dân nghèo khổ sẽ hướng tới cách mạng.

3. Đánh giá chung:

Cách kết thúc của *Chí Phèo* và *Vợ nhặt* thể hiện tài năng nghệ thuật của Nam Cao và Kim Lân, góp phần thể hiện tư tưởng và chủ đề của tác phẩm.

* **Cách cho điểm:**

- Điểm 5,0: đáp ứng được các yêu cầu trên.

- Điểm 4,0 - 4,5: cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm còn chưa được trình bày đầy đủ hoặc liên kết chưa thực sự chặt chẽ.

- Điểm 3,0 - 3,5 : đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 2,0 - 2,5: Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên.

- Điểm 1,0 - 1,5: Hầu như không đáp ứng được yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

----- Hết -----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 5

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới

Họ làm việc suốt cả tuần đằng đẵng, họ khổ sở vì làm việc, không phải vì họ thích làm việc mà họ cảm thấy họ phải làm. Họ phải làm việc, vì họ phải trả tiền thuê nhà, vì họ phải nuôi gia đình. Họ gánh tất cả những nhọc nhằn bất mãn ấy và khi họ nhận lại được những đồng tiền của mình, họ không hạnh phúc. Họ có hai ngày để nghỉ ngơi, làm điều họ muốn làm, và họ làm gì? Họ tìm cách chạy trốn. Họ uống say mềm, vì họ không yêu chính họ. Họ không thích cuộc sống của họ. Có nhiều cách để chúng ta tự làm tổn thương mình, khi chúng ta không yêu bản thân mình.

Mặt khác, nếu bạn hành động chỉ vì lợi ích của hành động đó mà không mong chờ phần thưởng, bạn sẽ thấy rằng bạn vui thích với mỗi hành động bạn thực hiện. Các phần thưởng rồi sẽ đến, nhưng bạn không bị ràng buộc vào phần thưởng. Bạn thậm chí còn nhận được cho mình nhiều hơn những gì bạn tưởng tượng, khi không mong chờ phần thưởng. Nếu chúng ta yêu thích điều chúng ta làm, nếu chúng ta làm hết khả năng của mình, khi ấy chúng ta sẽ tận hưởng cuộc sống một cách thực sự. Chúng ta có niềm vui, chúng ta không nhàm chán và chúng ta không thất vọng....

(Bốn thỏa ước, Don Miguel Ruiz, Nguyễn Trung Kỳ dịch, NXB Tri thức, 2017)

Câu 1. Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong văn bản trên, tác giả chỉ ra những thái độ nào của con người đối với công việc? Những biểu hiện nào thể hiện thái độ tích cực ? (1,0 điểm)

Câu 3. Trong đoạn trích có câu *Họ tìm cách chạy trốn*. Theo anh/chị, tác giả muốn nói họ tìm cách chạy trốn khỏi điều gì? (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Mặt khác, nếu bạn hành động chỉ vì lợi ích của hành động đó mà không mong chờ phần thưởng, bạn sẽ thấy rằng bạn vui thích với mỗi hành động bạn thực hiện?* Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về cách để mỗi người có thể tận hưởng được cuộc sống một cách thực sự.

Câu 2. (5,0 điểm)

Vẻ đẹp xứ Huế qua hai tác phẩm *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử) và *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)?

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: <i>Nghị luận</i>	0,5
	2	- Những thái độ của con người với công việc: + Công việc như một việc phải làm, không có niềm đam mê, yêu thích với công việc + Công việc như một niềm đam mê, họ yêu thích công việc của mình - Biểu hiện thái độ tích cực: + Nếu hành động chỉ vì lợi ích của hành động đó, không mong chờ phần thưởng, bạn sẽ nhận được phần thưởng lớn hơn mình tưởng tượng. + Làm điều mình yêu thích bằng tất cả khả năng của mình sẽ là cách bạn tận hưởng cuộc sống một cách thật sự. + Khi ấy, chúng ta sẽ có niềm vui, không chán nản, không thất vọng...	0,5
	3	Điều <i>Họ tìm cách chạy trốn</i> là: công việc không yêu thích, những gánh nặng đè nặng lên vai họ: tiền nhà, gia đình... và họ chạy trốn chính bản thân mình	0,5
	4	Anh/chị có đồng tình với ý kiến: <i>Mặt khác, nếu bạn hành động chỉ vì lợi ích của hành động đó mà không mong chờ phần thưởng, bạn sẽ thấy rằng bạn vui thích với mỗi hành động bạn thực hiện?</i> Vì sao? Học sinh có thể lựa chọn đồng ý hoặc không đồng ý miễn sao có cách lí giải phù hợp - Nếu lựa chọn đồng tình, có thể lí giải: khi chúng ta làm vì niềm yêu thích, đam mê với công việc thì mọi chuyện sẽ trở nên dễ dàng hơn,	1,0

		<p>có hứng thú trong công việc hơn.</p> <p>- Nếu lựa chọn không đồng tình, có thể lí giải: Mỗi công việc nếu không có phần thưởng được đặt ra, chúng ta sẽ thiếu đi động lực để tiến lên, vượt qua những trở ngại. Phần thưởng càng lớn, động lực quyết tâm phấn đấu càng cao.</p>	
II		LÀM VĂN	
	1	Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về cách để mỗi người có thể tận hưởng được cuộc sống một cách thực sự.	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn: có câu mở đoạn, thân đoạn và câu kết đoạn. <i>Câu mở đầu</i> nêu được chủ đề cần bàn luận, <i>Thân đoạn</i> triển khai được đúng trọng tâm vấn đề, <i>Kết đoạn</i> khái quát lại vấn đề	0,25
		b. Triển khai nhất quán luận điểm: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	
		- Giải thích “tận hưởng được cuộc sống một cách thực thụ” là sự hưởng thụ trọn vẹn tất cả niềm vui, sự hạnh phúc trong cuộc sống của mỗi con người.	0,25
		- Cách tận hưởng cuộc sống thực thụ	0,5
		- Phê phán những quan niệm sai lầm	0,5
		- Bài học nhận thức và hành động: Rút ra bài học cho bản thân	0,25
		c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	2	Vẻ đẹp xứ Huế qua hai tác phẩm <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) và <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)?	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: có đủ phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/ đoạn văn, <i>Kết bài</i> kết luận được vấn đề.	0,25
		b. Xác định vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp của xứ Huế qua hai tác phẩm <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) và <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận, đặc biệt là thao tác lập luận so sánh để làm rõ sự giống và khác nhau trong việc thể hiện vẻ đẹp xứ Huế qua hai tác phẩm	
		- Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm và khẳng định vấn đề cần nghị	0,5

	<p>luận</p> <p>- Vẻ đẹp của xứ Huế qua “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử</p> <p>+ Cảnh vườn cây đẹp trong nắng ban mai với cành lá mỏng mỏng ướt sương, ánh như ngọc được miêu tả trực tiếp, qua những hình ảnh cụ thể, sinh động. Con người xứ Huế hiền lành, phúc hậu.</p> <p>+ Sau vườn cây xứ Huế là thiên nhiên xứ Huế. Cảnh trời, mây, sông, nước ở đây thật đẹp, nhất là cảnh một dòng sông được tưới đẫm ánh trăng với con thuyền chò đây ánh trăng nhưng tất cả đều thấm đượm nỗi buồn.</p> <p>+ Khổ thơ thứ ba thể hiện một nỗi niềm canh cánh của thi nhân trong không gian bao la của trời, mây, sông, nước đã thấm đẫm ánh trăng. Đó là sự hy vọng, chờ đợi, mong mỏi và một niềm khắc khoải khôn nguôi. Vẫn ở trong mộng ảo, vì vậy cảnh và người ở đây đều hư hư, thực thực.</p> <p>⇒ Cảnh đẹp, giàu sức sống, thơ mộng nhưng đượm một nỗi buồn bàng khuâng, da diết.</p>	1,0
	<p>- Vẻ đẹp của dòng sông Hương trong bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường</p> <p>+ Vẻ đẹp được phát hiện ở cảnh sắc thiên nhiên:</p> <p>Sông Hương có vẻ đẹp “phóng khoáng và man dại, rầm rộ, mãnh liệt, một bản trường ca của rừng già” khi nó đi qua giữa lòng Trường Sơn; có vẻ đẹp dịu dàng và trí tuệ khi trở thành “người mẹ phù sa” của một vùng văn hóa đất cố đô, có vẻ đẹp phản quang nhiều màu sắc của nền trời tây nam thành phố “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”, có vẻ đẹp “trầm mặc” khi lặng lẽ chảy dưới chân những rừng thông u tịch với những lắng mộ âm u mà kiêu hãnh của các vua chúa triều Nguyễn; có vẻ đẹp mang màu sắc “triết lí, cổ thi” khi đi trong âm hưởng ngân nga của tiếng chuông chùa Thiên Mụ, có vẻ đẹp “vui tươi” khi đi qua những bãi bờ xanh biếc vùng ngoại ô Kim Long; có vẻ đẹp “mơ màng trong sương khói” khi nó dờn xa dần thành phố để đi qua những nương dâu, lũy trúc và những hàng cau thôn Vĩ Dạ....</p> <p>+ Vẻ đẹp sông Hương nhìn từ góc độ văn hóa. Tác giả cho rằng đã có một dòng thi ca về con sông Hương, một dòng thơ không lặp lại mình, ấy là “dòng sông trắng- lá cây xanh”, trong thơ Tản Đà, là vẻ đẹp hùng tráng “như kiếm dựng trời xanh” trong thơ Cao Bá Quát, là nỗi quan hoài vạn cổ trong thơ Bà Huyện Thanh Quan, là sức mạnh phục sinh tâm hồn trong thơ Tố Hữu.</p> <p>+ Vẻ đẹp nhìn từ góc độ lịch sử: sông Hương từng là dòng sông bảo vệ biên thùý tổ quốc thời Đại Việt, từng soi bóng kinh thành Phú</p>	1,0

	<p>Xuân của Nguyễn Huệ, từng chứng kiến bao cuộc khởi nghĩa, rồi đến cách mạng tháng tám, chiến dịch Mậu Thân năm 1968....</p> <p>+ Vẻ đẹp trong trí tưởng tượng đầy tài hoa của tác giả: Ông đã nhìn sông Hương như một cô gái Huế, từng có lúc là một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại, nhưng nói chung là một thiếu nữ tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc, đa tình và kín đáo, lẳng lơ nhưng rất mực chung tình, khéo trang sức mà không lòe loẹt phô phang, giống như những cô dâu Huế ngày xưa trong sắc áo điều đục. “Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...”.</p>	
	<p>- Điểm tương đồng:</p> <p>+ Cả hai nhà thơ đều lấy những địa danh nổi tiếng của xứ Huế (Vĩ Dạ và sông Hương) làm điểm nhấn và khơi hứng cảm xúc.</p> <p>+ Cùng tái hiện được vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh sắc con người xứ Huế rất riêng, rất thơ mộng. Có được điều đó chứng tỏ mảnh đất, con người Huế đã chiếm chỗ sâu bền nhất trong lòng các tác giả.</p> <p>+ Cả hai đều là những cây bút tài hoa, tinh tế, nhạy cảm trong văn chương, có tâm hồn hết sức lãng mạn, phong phú.</p>	0,5
	<p>- Điểm khác biệt:</p> <p>+ <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i>: Bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu thiếp mà Hoàng Cúc gửi cho Hàn Mặc Tử nên điểm nhìn cảm xúc trong một không gian hẹp, cái nhìn từ kí ức. Cảnh vật của xứ Huế hiện lên với những nét đặc trưng rất bình dị, quen thuộc, gần gũi nhưng cũng thật lãng mạn: cảnh khu vườn muốt như ngọc, sông trăng huyền ảo, con người với vẻ đẹp đằm thắm, dịu dàng...cảnh vật in đậm cảm xúc về tình đời, tình người.</p> <p>+ <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>: Hoàng Phủ Ngọc Tường chọn điểm nhìn là sông Hương, đặt trong một không gian phóng khoáng, rộng lớn hơn. Vẻ đẹp của xứ Huế hiện lên ở rất nhiều góc độ từ quá khứ cho đến hiện tại, từ lịch sử, thơ văn đến địa lí, văn hóa.... Vì thế vùng đất cố đô hiện lên toàn diện hơn, hiện thực hơn bởi sông Hương chính là linh hồn của Huế, là nơi tích tụ những trầm tích văn hóa lâu đời của mảnh đất kinh thành cổ xưa.</p>	0,5
	<p>- Lí giải sự khác biệt:</p> <p>+ Xuất phát từ đặc điểm của thể loại thơ và bút kí là khác nhau. Thơ nghiêng về cảm xúc, tâm trạng. <i>Bút kí</i> không chỉ đòi hỏi có cảm xúc mà ít nhiều có tính xác thực và khách quan.</p> <p>+ Đối với Hàn Mặc Tử, Huế là nơi tác giả từng gắn bó, giờ đã trở</p>	0,5

	thành kỉ niệm. Còn Hoàng Phủ Ngọc Tường là người con của xứ Huế nên chất Huế đã thấm sâu vào tâm hồn máu thịt của ông.	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
	c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10.00 điểm	

-----Hết-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 6

I. PHẦN ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Chiến thắng của tuyển U23 Việt Nam trong trận tứ kết trước đội bóng hàng đầu châu Á, được quyết định trên chấm phạt đền may rủi. Bóng đá cần có sự may mắn nhưng chừng đó là chưa đủ. Trên hết là tinh thần, bản lĩnh hơn người, là ý chí thi đấu với hơn 100 % sức lực, là đấu pháp biết mình biết người. Thứ nữa là tài luyện quân, cầm quân và điều binh kích tướng của vị huấn luyện viên người Hàn, Park Hang Seo, là từ động viên khích lệ kịp thời, đúng mực của người đứng đầu chính phủ và người hâm mộ nước nhà...

Vẫn những gương mặt cầu thủ không mới, nhưng khi giáp trận tại vòng chung kết U23 châu Á, cách trình diễn của đội bóng lại cho thấy nhiều sự khác biệt. Rõ nhất là tâm thế thắng không kiêu, bại không nản, biết cách vượt qua áp lực, biết “dĩ đoản (bình) chế trường (trận)”, điềm tĩnh mà ngạo nghễ đi tới chiến thắng cuối cùng. Rõ nhất nữa, là tâm lý ổn định, biết kiềm chế, không bị kích động khi đối thủ chơi xấu hoặc trọng tài xử ép. Rõ nữa, là toàn đội là một tập thể thống nhất, hoàn hảo, không chỉ trích nhau khi cá nhân mắc lỗi, biết hỗ trợ nhau lập công và ai cũng có thể lập công.

Niềm tin, niềm tự hào cao cả của những người yêu bóng đá nước nhà dành cho đội tuyển U23 lần này, có lẽ, xuất phát từ những điều tạo nên sự khác biệt đó. Văn hoá “mỏng” sẽ sinh ra thứ bóng đá xấu xí, cốt ăn thua, phong độ trời sạt, nói gì tới đẳng cấp. Văn hoá “dày” sẽ tạo nên thứ bóng đá đẹp và sạch, thua hay thắng đều ĐƯỢC, biết hướng tới giá trị khác biệt, hơn hẳn, đẳng cấp.

(Theo *Bóng đá và ngọn lửa nồng ấm...* Vietnamnet.com. Ngày 22/1/2018)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, những yếu tố nào làm nên chiến thắng của tuyển U23 Việt Nam trong trận tứ kết gặp I-rắc? (0,75 điểm)

Câu 3. Anh/ chị hiểu thế nào về ý kiến: Văn hóa “mỏng” sẽ sinh ra thứ bóng đá xấu xí, cốt ăn thua, phong độ trời sạt, nói gì tới đẳng cấp. Văn hóa “dày” sẽ tạo nên thứ bóng đá đẹp và sạch, thua hay thắng đều ĐUỠC, biết hướng tới các giá trị khác biệt, hơn hẳn, đẳng cấp. (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: Vẫn những gương mặt cầu thủ không mới, nhưng khi gặp trận tại vòng chung kết U23 châu Á, cách trình diễn của đội bóng lại cho thấy nhiều sự khác biệt? Vì sao? (0,75 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần **Độc hiểu**, anh/ chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự khác biệt trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

(Sóng – Xuân Quỳnh, **Ngữ Văn 12**, Tập một, NXB Giáo dục, 2017)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, liên hệ đến những suy cảm của Xuân Diệu trong bài thơ *Vội vàng* (**Ngữ Văn 11**, Tập hai, NXB Giáo dục, 2017) để thấy những điểm tương đồng và khác biệt trong cách nhìn về cuộc đời và khát vọng sống của mỗi nhà thơ.

----- HẾT -----
HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	Câu/ý	Nội dung	Điểm
I (3,0 điểm)	1	Thao tác lập luận chính: Phân tích.	0,5
	2	Những yếu tố tạo nên thành công của đội tuyển U23 Việt Nam trong trận tứ kết: + Trước hết đó là sự may mắn. + Trên hết là tinh thần, bản lĩnh hơn người, là ý chí thi đấu với hơn 100% sức lực, là đấu pháp biết nhìn người. + Tài luyện quân, cầm quân và điều binh khích tướng của vị huấn luyện người Hàn Quốc, Park Hang Seo. + Sự động viên khích lệ kịp thời, đúng mực của người đứng đầu chính phủ và người hâm mộ nước nhà.	0,75

3	<p>“Văn hóa “mỏng” sẽ sinh ra ... đẳng cấp” có nghĩa là:</p> <p>Văn hóa có ý nghĩa, tác động đến cách ứng xử của mỗi cá nhân đối với các vấn đề trong cuộc sống.</p> <p>Khi con người được đào tạo, giáo dục kỹ lưỡng, cẩn thận, một con người có văn hóa sẽ ứng xử văn minh, lịch sự, không lấy sự thắng thua là vui mừng hay cay cú... Ngược lại với những người văn hóa thấp kém, họ sẽ có cách ứng xử thô tục, thiếu văn minh.</p> <p>Văn hóa trong mỗi cá nhân sẽ là nhân tố tạo nên sự khác biệt ở mỗi người, và chính nó cũng tạo nên đẳng cấp của mỗi dân tộc.</p>	0,5
	4	<p>HS trình bày ngắn gọn có phân tích, lí giải. Có thể diễn đạt theo các ý sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý với quan điểm. - Vì: Khi chiến thắng, họ không kiêu ngạo, biết vượt qua áp lực, điềm tĩnh đi đến chiến thắng cuối cùng. Tâm lý ổn định, biết kiềm chế, không bị kích động khi đối thủ chơi xấu hoặc bị trọng tài xử ép. Quan trọng hơn cả, toàn đội là một tập thể thống nhất, hoàn hảo, không chỉ trích nhau khi cá nhân mắc lỗi, biết hỗ trợ nhau lập công và ai cũng có thể lập công.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

PHẦN	Câu/ý	Nội dung	Điểm
II (7,0 điểm)	1	Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự khác biệt trong cuộc sống.	2,0
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của sự khác biệt trong cuộc sống.	0,25
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn theo định hướng sau: – Giải thích: + Sự khác biệt: được nói đến là những nét riêng được khẳng định, được đề cao gắn với đời sống của cá thể trong xã hội. + Sự khác biệt có thể được thể hiện ở suy nghĩ, quan điểm, lối sống, hành động, cách ứng xử của bản thân với người khác. => Sự khác biệt khiến con người thể hiện được bản sắc riêng, không bị hòa tan trong đám đông, trong cộng đồng.	1,0

	<p>– Phân tích, bàn luận:</p> <p>+ Ý nghĩa của sự khác biệt là gì?</p> <p>+) Sống khác biệt giúp chúng ta có những suy nghĩ độc lập, táo bạo, thể hiện được cá tính của bản thân.</p> <p>+) Mỗi cá nhân là một thực thể với những màu sắc đa dạng. Sống khác biệt để tránh rập khuôn, một màu một cách sáo rỗng.</p> <p>+) Những suy nghĩ khác, góc nhìn về thế giới và mọi vật xung quanh sẽ tạo điều kiện con người tìm kiếm cơ hội vươn lên.</p> <p>+ Làm thế nào để tạo ra sự khác biệt?</p> <p>+) Thay đổi tư duy, suy nghĩ về các vấn đề cũ, tạo cho mình cách tiếp cận, nhìn nhận mới mẻ về sự vật, hiện tượng.</p> <p>+) Mỗi cá nhân cần nỗ lực học tập, rèn luyện tạo nên những giá trị riêng biệt đóng góp cho cộng đồng, xã hội.</p> <p>+) Cần phải có sự bản lĩnh, tự tin, dám chấp nhận sự đánh giá của người khác đối với những khác biệt của mình với số đông.</p> <p>– Bình luận, mở rộng vấn đề:</p> <p>+ Không phải sự khác biệt nào cũng có ý nghĩa. Có sự khác biệt có ý nghĩa tích cực nhưng cũng có những sự khác biệt có ý nghĩa tiêu cực. Khác biệt tiêu cực chính là sự kì dị, quái gở, phá vỡ những nét đẹp văn hóa truyền thống. Khác biệt của họ chỉ có một mục đích đó là làm cho mình thật nổi bật giữa đám đông.</p> <p>+ Ngoài ra, đề cao sự khác biệt không có nghĩa là cố vũ cho lối sống hẹp hòi, ích kỉ, chối bỏ trách nhiệm với cộng đồng.</p> <p>– Bài học nhận thức và hành động cho bản thân:</p> <p>+ Liên hệ bản thân: anh/ chị đã làm gì để tạo nên sự khác biệt tích cực?</p> <p>+ Khác biệt là yếu tố cần thiết với mỗi cá nhân để tạo dấu ấn riêng trong cộng đồng. Nhưng sự khác biệt phải phù hợp với quy chuẩn đạo đức và thuần phong mỹ tục của xã hội.</p>	
	<p>d. <i>Sáng tạo</i>: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt...</p>	0,25
2	<p>Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ (2 khổ cuối bài “Sóng” - Xuân Quỳnh, Ngữ Văn 12, Tập một). Từ đó, liên hệ đến những suy cảm của Xuân Diệu trong bài thơ <i>Vội vàng</i> (Ngữ Văn 11, Tập hai) để thấy những điểm tương đồng và khác biệt trong cách nhìn về cuộc đời và khát vọng sống của mỗi nhà thơ./.</p>	5,0
	<p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>: Có đầy đủ ba phần Mở bài,</p>	0,5

	<p>+ Vì thế, nhà thơ tự giục giã mình hãy gấp gáp, vội vàng, cuồn cuộn nhập thế để “thâu” lấy, tận hưởng cho kì hết vẻ đẹp của cuộc sống, của tình yêu và của tuổi trẻ.</p> <p>- Về nghệ thuật: Lời thơ Xuân Diệu cuồn cuộn, hối hả, gấp vội, đắm say. Thế giới hình ảnh sinh động, tràn trề sức sống. Hệ thống các động từ mạnh, tăng tiến, giàu sắc thái biểu đạt, biểu cảm. Các biện pháp điệp được sử dụng hiệu quả.</p> <p>* So sánh:</p> <p>- Điểm tương đồng:</p> <p>+ Cả hai nhà thơ đều giống nhau trong cách nhìn về cuộc đời. Từ đó, xác định một thái độ sống tích cực, đầy khát khao, giàu ý nghĩa nhân văn.</p> <p>+ Điều thể hiện một cái tôi nội cảm đầy trăn trở, suy tư và ước muốn thiết tha, mãnh liệt – một cái tôi yêu đời, yêu sống, gắn bó thiết tha với cuộc sống.</p> <p>- Điểm khác biệt:</p> <p>Cảm nhận được sự hữu hạn của cuộc đời, nếu như Xuân Quỳnh trăn trở, khát khao tận hiến trọn vẹn sự sống của mình cho cuộc sống, cho tình yêu để bất tử trước thời gian thì Xuân Diệu lại xác định một thái độ sống gấp vội, cuồn cuộn, sống hết từng giây phút của đời mình để tận hưởng cho kì cùng vẻ đẹp của cuộc sống, của tuổi trẻ.</p>	0,5
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo; thể hiện được những cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5
Tổng điểm		10,0

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 7

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Xã hội và đời sống đã có nhiều thay đổi thì dù ít dù nhiều nếp nhà có biến đổi cũng là lẽ đương nhiên. Nhưng, quan trọng nhất là hồn cốt của gia phong vẫn còn được giữ, có giá trị định hình, nuôi dưỡng nhân cách của mỗi thành viên, đặc biệt là con cái.

Nếp nhà là sự gắn bó giữa các thành viên, là những người trong gia đình phải biết yêu thương nhau, nhường nhịn nhau, nhưng đùm bọc không có nghĩa là chấp nhận những việc làm sai trái của những người trong gia đình mình. Bảo bọc nhau bằng cách là bảo ban giữ những điều tốt đẹp và để ứng xử với người trong gia đình, với người ngoài xã hội. Nếp nhà mà giữ không tốt thì đừng nói chuyện giữ cho xã hội tốt đẹp được. Điều đáng nói, giữ nếp nhà là giữ những điều tốt đẹp, chứ không phải tự vun vén cho riêng gia đình mình. Quan trọng để giữ nếp nhà là người lớn phải là tấm gương soi chiếu để cho con cái học theo. Cha mẹ mà không tốt – như bây giờ đang có hiện tượng xã hội xảy ra là cha mẹ có quyền có chức mà cố vợ vét rồi tham những khi làm quan – thì con cái không thể nên thành được.

Cho nên, gia đình là cái mốc đầu tiên, gia đình rồi mới tới làng xã, rồi tới môi trường rộng lớn hơn là xã hội. Xã hội có tốt đẹp hay không thì phải xuất phát từ cái gốc quan trọng nhất là gia đình. Văn hóa gia đình mà không lo giữ thì xã hội cũng sẽ loạn.

(Nguyễn Sự – Người lớn phải là tấm gương soi chiếu. Dẫn theo Tuổi trẻ online ngày 25.02.2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, việc gì là quan trọng để giữ nếp nhà?

Câu 3. Từ nội dung đoạn trích, Anh/Chị hãy rút ra mối quan hệ giữa gia đình và xã hội.

Câu 4. Anh/Chị có đồng ý với quan điểm “Văn hóa gia đình mà không lo giữ thì xã hội cũng sẽ loạn”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân và xã hội.

Câu 2 (5,0 điểm)

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

(Sóng – Xuân Quỳnh, *Ngữ Văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2016)

Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên. Từ đó, liên hệ đến những suy nghĩ, cảm xúc và quan niệm của Xuân Diệu trong bài thơ *Vội Vàng* (*Ngữ Văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2016) để thấy những điểm tương đồng và khác biệt trong cách nhìn về cuộc đời và khát vọng sống của mỗi nhà thơ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Phương thức nghị luận.	0.5
	2	Theo tác giả, việc quan trọng để giữ nếp nhà là: - Người lớn phải là tấm gương soi chiếu để cho con cái học theo. - Cha mẹ mà không tốt thì con cái không thể nên thành được.	0.5
	3	Mối quan hệ giữa gia đình và xã hội: - Xã hội và đời sống đã có nhiều thay đổi thì dù ít dù nhiều nếp nhà có biến đổi. - Nếp nhà mà giữ không tốt thì đừng nói chuyện giữ cho xã hội tốt đẹp được. - Xã hội có tốt đẹp hay không thì phải xuất phát từ cái gốc quan trọng nhất là gia đình. Văn hóa gia đình mà không lo giữ thì xã hội cũng sẽ loạn.	1.0
	4	Học sinh có thể trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm “Văn hóa gia đình mà không lo giữ thì xã hội cũng sẽ loạn” của tác giả. Giám khảo cho điểm tùy vào sự lý giải hợp lý, thuyết phục của thí sinh.	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân và xã hội.	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.25
		Vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân và xã hội. <i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1.0
		Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau:	
		* Giải thích: - Gia đình là gì? là một cộng đồng người sống chung và gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ tình cảm, quan hệ hôn nhân, quan hệ	0,25

	<p>huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và hoặc quan hệ giáo dục.</p> <p>- Gia đình có lịch sử từ rất sớm và đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài.</p>	
	<p>* Bàn luận:</p> <p>- Vai trò, ảnh hưởng của gia đình đối với cuộc sống của mỗi cá nhân và toàn xã hội.</p> <p>+ Gia đình và xã hội có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau.</p> <p>+ Mỗi gia đình là một tế bào của xã hội có ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên đến đời sống xã hội.</p> <p>* Đối với gia đình có nền nếp văn hóa tốt.</p> <p>* Đối với gia đình không có nền nếp văn hóa.</p> <p>- Trách nhiệm của xã hội và mỗi cá nhân trong việc xây dựng gia đình.</p> <p>- Phê phán những cá nhân sống thiếu trách nhiệm với gia đình, biến gia đình thành gánh nặng của xã hội.</p>	0,5
	<p>* Bài học: Ý thức được bản thân cần có lối sống trách nhiệm với gia đình và xã hội và ngược lại.</p> <p><i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	0.25
2	<p><i>Cuộc đời tuy dài thế... Để ngàn năm còn vỗ</i></p> <p>Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên. Từ đó, liên hệ đến những suy nghĩ, cảm xúc và quan niệm của Xuân Diệu trong bài thơ <i>Vội Vàng</i> (Ngữ Văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2016) để thấy những điểm tương đồng và khác biệt trong cách nhìn về cuộc đời và khát vọng sống của mỗi nhà thơ.</p>	5.0
	<p>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề nghị luận. Thân bài triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề. Kết bài đánh giá, kết luận được vấn đề.</p>	0.5
	<p>2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảm nhận về đoạn thơ nêu trong đề bài và liên hệ đúng theo yêu cầu của đề</p>	0.5
	<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Học sinh có thể trình bày hệ thống các luận điểm theo nhiều cách</p>	3.0

khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:

- Giới thiệu tác giả Xuân Quỳnh, bài thơ “Sóng” và đoạn thơ.

- Cảm nhận về đoạn thơ:

+ Suy nghĩ, cảm nhận của Xuân Quỳnh về sự chảy trôi của thời gian, sự rộng lớn của không gian và sự ngắn ngủi, nhỏ bé, mong manh của cuộc đời con người.

+ Khát vọng của nhà thơ được sống, được dâng hiến trọn vẹn cho tình yêu để vượt qua sự hữu hạn của cuộc đời.

+ Về nghệ thuật:

• Lời thơ biến hóa, lúc giăng trở, suy tư, lúc thôi thúc khát khao mãnh liệt.

• Sử dụng biện pháp tu từ so sánh; thế giới hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, mang màu sắc triết lý gợi những liên tưởng sâu xa.

- Đánh giá chung: Đoạn thơ thể hiện rõ phong cách thơ Xuân Quỳnh. Đó là tiếng thơ của một người phụ nữ vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa thắm đẫm suy tư về khát vọng tình yêu, khát vọng hạnh phúc giữa đời thường.

** Liên hệ những suy cảm của nhà thơ Xuân Diệu trong bài thơ Vội Vàng:*

- Xuân Diệu cảm nhận cuộc sống trần thế là một “bữa tiệc trần gian” ngập tràn thanh sắc, đẹp đẽ, tươi non, say đắm, gọi mời mà thời gian thì cuộn chảy, tuổi trẻ thì qua mau, một đi không trở lại.

- Vì thế, nhà thơ tự giục giã mình hãy gấp gáp, vội vàng, cuồng nhiệt nhập thế để “thâu” lấy, tận hưởng cho kì hết vẻ đẹp của cuộc sống, của tình yêu và của tuổi trẻ.

- Về nghệ thuật, lời thơ Xuân Diệu cuồng nhiệt, hối hả, gấp vội, đắm say. Thế giới hình ảnh sinh động, tràn trề sức sống. Hệ thống các động từ mạnh, tăng tiến, giàu sắc thái biểu đạt, biểu cảm. Các biện pháp điệp được sử dụng hiệu quả.

** So sánh:*

- Điểm tương đồng:

+ Cả hai nhà thơ đều giống nhau trong cách nhìn về cuộc đời. Từ đó, xác định một thái độ sống tích cực, đầy khát khao, giàu ý nghĩa nhân văn.

+ Đều thể hiện một cái tôi nội cảm đầy giăng trở, suy tư và ước muốn thiết tha, mãnh liệt – một cái tôi yêu đời, yêu sống, gắn bó thiết tha với cuộc sống.

- Điểm khác biệt: Cảm nhận được sự hữu hạn của cuộc đời, nếu như Xuân Quỳnh trầm trở, khát khao tận hiến trọn vẹn sự sống của mình cho cuộc sống, cho tình yêu để bắt đầu trước thời gian thì Xuân Diệu

	<p>lại xác định một thái độ sống gấp vội, cuồng si, sống hết từng giây phút của đời mình để tận hưởng cho kì cùng vẻ đẹp của cuộc sống, của tuổi trẻ.</p>	
	<p>4. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo; thể hiện được những cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	0,5
	<p>5. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,5
	ĐIỂM TOÀN BÀI: I + II = 10.00	

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 8

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tuổi trẻ, tự bản thân nó đã là một tài sản, tự bản thân nó đã hàm chứa ánh sáng và hạnh phúc, khi bị dùi xuống bùn, cơ hội để nó tỏa sáng và thăng hoa sẽ lớn hơn so với khi bạn già đi. Lúc đó là phép thử trong tay còn màu nhiệm, con tốt đó trong tay có thể còn phong Hậu, bạn có thời gian làm hậu thuẫn và chân trời vẫn còn nhiều thoi thúc. Còn khi bạn lớn tuổi hơn, những xây xước đằng trước sẽ làm cho bạn ngần ngại, nếu bạn bị rút xuống bùn, thì rất có thể, bạn sẽ tặc lưỡi nằm đó một mình, hoặc sẽ cố gắng vùng vẫy sao cho người đó cũng lem luốc giống với bạn.

Tuổi trẻ có một thứ vốn ngầm rất đáng quý mà không phải ai cũng biết: sự cô đơn. Trái tim là một giống loài dễ hư hỏng. Nếu nó được no đủ, nó sẽ đổ đốn ngay lập tức. Hạnh phúc làm cho người ta mềm yếu, người ta vui tươi với mọi thứ, người ta quên mất việc phải làm, người ta còn bắt đầu tặc lưỡi nhiều hơn với những thói quen xấu. Tình yêu là một giống dây leo khó chiều. Nó cần được thử thách và bị tấn công. Nếu bạn móm com hàng ngày, chăm sóc nó quá no đủ, nó sẽ chết yếu.

(Theo Kênh14.vn)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản (0,5 điểm)

Câu 2: Vì sao tác giả lại cho rằng: Tuổi trẻ - tự bản thân nó đã là một tài sản? (0,5 điểm)

Câu 3: Anh/Chị hiểu như thế nào về ý kiến: ...*khi bạn đã lớn tuổi hơn, những xây xước đằng trước sẽ làm cho bạn ngần ngại?* (1,0 điểm)

Câu 4: Anh/Chị có đồng tình với quan niệm: *Trái tim là một giống loài dễ hư hỏng. Nếu nó được no đủ, nó sẽ đổ đốn ngay lập tức?* (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về giá trị của tuổi trẻ.

Câu 2 (5,0 điểm) Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài. Từ đó, liên hệ với đoạn trích miêu tả sự thức tỉnh của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao và nhận xét nét tương đồng trong cách thể hiện tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn.

.....*Hết*.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
ĐỌC HIỂU			3.0 điểm
	1	- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: nghị luận/ phương thức nghị luận.	0.5 điểm
	2	Tác giả lại cho rằng: Tuổi trẻ - tự bản thân nó đã là một tài sản. Vì: - <i>Tuổi trẻ, tự bản thân nó đã là một tài sản, tự bản thân nó đã hàm chứa ánh sáng và hạnh phúc, khi bị dùi xuống bùn, cơ hội để nó tỏa sáng và thăng hoa sẽ lớn hơn so với khi bạn già đi.</i> - <i>Tuổi trẻ có thời gian làm hậu thuẫn và chân trời vẫn còn nhiều thời thúc.</i>	0.5 điểm
	3	Ý kiến: ... <i>khi bạn đã lớn tuổi hơn, những xây xước đằng trước sẽ làm cho bạn ngần ngại</i> được hiểu như sau: - Khi đã lớn tuổi hơn, nghĩa là con người đã không còn như tuổi trẻ với sức khỏe, nhiệt huyết. - Hơn nữa, khi lớn tuổi hơn, nghĩa là con người đã có thời gian của tuổi trẻ với nhiều trải nghiệm, đã va chạm những va vấp, thất bại trong cuộc đời và bây giờ, họ không còn nhiều thời gian để thử thách hay thay đổi, hoặc ngại thay đổi. → Vì vậy những khó khăn, thách thức và có thể là những thất bại phía trước, những người lớn tuổi hơn sẽ ngần ngại.	0,5 đ
			0,5 đ
4	Quan niệm: <i>Trái tim là một giống loài dễ hư hỏng. Nếu nó được no đủ, nó sẽ đổ đốn ngay lập tức</i> là một quan niệm hoàn toàn đúng đắn, vì: - Trái tim là biểu tượng tình cảm của con người, nó vốn rất nhạy cảm. Nó giống như một con người. Phải đặt nó trong môi trường thử thách và bị tấn công. Như thế nó sẽ trưởng thành và sẵn sàng trải qua những biến cố của cuộc đời. - Hạnh phúc dễ làm cho người ta mềm yếu. Nếu trái tim con người được chăm sóc, vuốt ve thì dễ sinh ra thỏa mãn và hư hỏng như một điều tất yếu bởi chưa hề trải qua bất kì đau thương nào.	1.0 điểm	

LÀM VĂN	1	Suy nghĩ về giá trị của tuổi trẻ.	2.0 điểm
		a) Đảm bảo cấu trúc đoạn văn (có câu chủ đề)	0.25 điểm
		b) Xác định đúng vấn đề nghị luận : Giá trị của tuổi trẻ	0.25 điểm
		c) Nội dung đoạn văn Trên cơ sở những hiểu biết về văn bản ở phần đọc-hiểu, có thể trình bày suy nghĩ về vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng lập luận phải hợp lí, chặt chẽ. Có thể đảm bảo một trong số những nội dung gợi ý sau: - Giải thích: Thế nào là tuổi trẻ? + Là lứa tuổi thanh niên, thiếu niên được trang bị kiến thức và rèn luyện đạo đức, sức khỏe. + Là những người làm chủ tương lai của đất nước, động lực giúp xã hội phát triển. - Tuổi trẻ sở hữu những gì? + Tuổi trẻ có sức trẻ, nhiệt huyết với những khát vọng lớn lao. + Tuổi trẻ năng động và sáng tạo, có thời gian và cơ hội để nuôi dưỡng ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực. + Tuổi trẻ không ngại khó khăn, thử thách, không sợ va chạm và vấp phải thất bại vì chân trời của tuổi trẻ còn nhiều thoi thức. - Vai trò của tuổi trẻ: + Tuổi trẻ là mùa xuân của đời người, là khoảng thời gian đẹp và quý giá nhất. + Tuổi trẻ luôn là lực lượng tiên phong xông pha vào những nơi gian khổ và có những đóng góp lớn cho đất nước trên mọi lĩnh vực, làm rạng danh cho Tổ quốc (dẫn chứng liệt kê: trong chiến tranh, thời bình) + Tuổi trẻ là niềm kì vọng, tương lai của đất nước. - Bàn luận: nhiều bạn trẻ vẫn chưa thấy hết và chưa biết quý trọng giá trị của tuổi trẻ, lãng phí thời gian tuổi trẻ vào những việc vô bổ. - Rút ra bài học nhận thức và liên hệ bản thân: biết trân trọng tuổi trẻ và sống hết mình cho tuổi trẻ....	1.0 điểm
		d) Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, văn hoá, pháp luật.	0.25 điểm
		e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0.25 điểm
2	Diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài, nhận xét về nét tương đồng trong cách thể	5.0 điểm	

hiện tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn Tô Hoài và Nam Cao		
a) Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (gồm 3 phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài)		0.5 điểm
b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận		0.5 điểm
c) Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, biết kết hợp chặt chẽ giữa nêu lí lẽ và phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận)		3.0 điểm
<p>✪ <u>Giới thiệu khái quát</u> về tác giả Tô Hoài, tác phẩm <i>Vợ chồng A Phủ</i> và nội dung vấn đề: <i>Diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài; tinh thần nhân đạo của nhà văn</i></p> <p>✪ <u>Diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị</u></p> <p>- Khái quát cuộc đời của Mị trước và sau khi về làm dâu nhà Pá Tra -> cuộc đời của một con người tốt đẹp bị vùi dập, chà đạp, dày dọ đến mức tê liệt về tinh thần, cạn khô nhựa sống.</p> <p>- Diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài</p> <p>+ Bức tranh mùa xuân rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh và nồng nàn hơi thở của tình yêu tuổi trẻ -> kéo Mị ra khỏi tâm trạng nguội lạnh, thờ ơ</p> <p>+ Tiếng sáo gọi bạn thiết tha, rạo rực, say sưa dẫn dụ và giúp tâm hồn Mị hồi sinh (phân tích diễn biến: ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi, nhớ lại quá khứ thấy quý trọng tuổi trẻ; nghĩ về hiện tại đắng cay, tủi nhục thấy đau khổ, tuyệt vọng; quên đi hiện tại và sống với niềm khao khát tuổi thanh xuân đang trở dậy mãnh liệt; bị trói đứng trong căn buồng tăm tối nhưng cảm thấy như hoàn toàn tự do, tâm hồn vượt thoát khỏi thân xác theo tiếng sáo đến những cuộc chơi, đám chơi.....)</p> <p>→ Mị không thể thoát khỏi sợi dây trói oan nghiệt của cường quyền nhưng tâm hồn Mị đã hồi sinh sức sống kì diệu để Mị được sống những giây phút của một con người thực sự, sống với niềm khao khát tuổi thanh xuân sau bao tháng năm lạnh căm vì khổ đau, tủi nhục. Qua đó, khẳng định: các thế lực cường quyền có thể chà đạp, dày dọ con người nhưng không thể giết chết sức sống trong họ (<i>Đau khổ, lay lắt, tủi nhục Mị vẫn sống âm thầm, tiềm tàng mà mãnh liệt...</i>)</p> <p>✪ <u>Liên hệ với đoạn trích trong truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> (Nam Cao)</u></p>		

	<p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Ngôn ngữ, giọng trần thuật tự nhiên mà sinh động, giàu sức gợi -> giọng văn trĩu nặng tình cảm xót thương đối với nỗi khổ đau của nhân vật trong hoàn cảnh bi kịch.</p> <p>+ Xây dựng hình ảnh nghệ thuật (“tiếng sáo”, “hương cháo hành”) kết hợp với nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo bằng thủ pháp tương phản (khát vọng sống cho tuổi trẻ đang trời dậy mãnh liệt, khát vọng hoàn lương > hiện thực phũ phàng, vùi dập khát vọng, ước mơ của con người) -> khắc họa chân thực, thành công diễn biến tâm lí nhân vật trong thời khắc thức tỉnh nhận thức và khát vọng và làm nổi bật bi kịch thân phận của nhân vật, ý nghĩa phê phán của đoạn trích</p> <p>- Tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn:</p> <p>+ Lên án xã hội phi nhân tính đã tước đoạt quyền sống, vùi dập ước mơ, khát vọng tốt đẹp của người lao động nghèo.</p> <p>+ Đồng cảm với nỗi đau và bi kịch của những con người cơ cực, bất hạnh; đồng thời phát hiện và trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của họ: trong hoàn cảnh bi thảm, tủi nhục vẫn cố vươn dậy để bảo vệ nhân phẩm, bản tính thiện lương.</p>	
	<p>d) Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo và độc đáo; thể hiện khả năng cảm nhận sâu sắc, mới mẻ; văn viết giàu cảm xúc, bộc lộ quan điểm, thái độ riêng nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức, văn hoá và pháp luật.</p>	<p>0.5 điểm</p>
	<p>e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt</p>	<p>0.5 điểm</p>

Hết

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 9

I- ĐỌC- HIỂU: (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Không còn là cảnh báo, các chứng bệnh có liên quan đến việc sử dụng mạng xã hội đang ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Sự lệ thuộc quá nhiều vào Facebook, Youtube, Instagram hay Twitter đã khiến không ít cư dân mạng, trong đó phần lớn là những người trẻ quay cuồng trong “thế giới ảo” mà quên rằng cuộc sống thực tại mới chính là cuộc sống đúng nghĩa của mình.

Nhập viện vì "nghiện Facebook" đã trở thành một căn bệnh được các bác sĩ tại nhiều bệnh viện lớn trên cả nước xác nhận trong thời gian qua. Đặc điểm chung của phần lớn người bệnh là thuộc lứa tuổi thanh thiếu niên, ngại giao tiếp; biểu hiện cáu gắt khi không được tiếp xúc với Facebook; sức khỏe suy giảm...

Trước khi bị coi là "một chất gây nghiện", Facebook đã là môi trường cho nhiều phát ngôn, hành động bộc phát, không cần trọng, thiếu kiểm soát, thậm chí là hành vi phạm tội của một bộ phận thanh thiếu niên... Những thí dụ về tác hại xấu của Facebook với người dùng trẻ tuổi tại Việt Nam không hề hiếm. Gần đây, có thể kể đến sự việc 10 thanh niên tại tỉnh Phú Thọ mang hung khí chặn xe ô-tô đang lưu hành trên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai để cướp tiền ngày 29-12-2017. Trong quá trình gây án, nhóm này không quên thực hiện video livestream (truyền trực tiếp) trên Facebook khoe "chiến tích". Với số tiền chiếm đoạt chỉ hơn 400.000 đồng cho thấy, dường như mục đích livestream của họ chỉ là thói háo danh trên mạng xã hội. Song bản án dành cho những thanh niên có tuổi đời chưa quá 20 nhận lại vì những phút giây bốc đồng của mình có thể sẽ không hề nhẹ... "Câu like" (lượt yêu thích) trên Facebook cũng được cho là nguyên nhân chính khiến một cô bé 13 tuổi tại Khánh Hòa đốt ngôi trường THCS mà mình đang học tập vào năm 2016...

Từ một dịch vụ liên lạc, nhưng vì lợi nhuận không ít trang mạng xã hội đã không ngần ngại biến khách hàng nhất là giới trẻ... trở thành những con nghiện mạng xã hội cùng những căn bệnh thần kinh khác, đồng thời trở thành mục tiêu của giới tội phạm và các tổ chức khủng bố. Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận rõ rằng, mạng xã hội hoàn toàn không xấu, mà còn có nhiều mặt tích cực. Vấn đề là sử dụng mạng xã hội sao cho hiệu quả, có mục đích rõ ràng nhằm phục vụ công việc hoặc cuộc sống phong phú của chính mình chứ không phải trở nên lệ thuộc, bị thế giới "ảo" dắt mũi. Vì vậy, trước khi tính đến trách nhiệm của những dịch vụ truyền thông như Facebook hay Youtube, cư dân mạng, nhất là thế hệ trẻ phải biết tự bảo vệ mình trước những cám dỗ từ mạng xã hội

(Trích **Tự bảo vệ trước cám dỗ từ mạng xã hội** – Hải Bằng; Nguồn từ Báo Nhân dân - Điện tử, Thứ ba, 13/2/2018)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong văn bản? (0,5 đ)

Câu 2: Theo tác giả, những người mắc căn bệnh "nghiện Facebook" có đặc điểm chung như thế nào? (0,5 đ)

Câu 3: Vì sao nói Facebook cũng bị coi là "một chất gây nghiện"? (1,0 đ)

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với câu nói: "...dường như mục đích livestream của họ chỉ là thói háo danh trên mạng xã hội. "? (1,0 đ)

II- LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Từ nội dung của văn bản phần Đọc - hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân trước hiện tượng một phần không nhỏ giới trẻ hiện nay "quay cuồng trong thế giới ảo".

Câu 2: (5 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm cứu A Phủ (**Vợ chồng A Phủ** - Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016). Từ đó liên hệ với hành động tự kết liễu đời mình của nhân vật Chí Phèo (**Chí Phèo** - Nam Cao, *Ngữ văn 11*, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016) để thấy được tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC-HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5

	2	Đặc điểm chung của những người mắc căn bệnh “nghiện Facebook” là: <i>ngại giao tiếp; biểu hiện cáu gắt khi không được tiếp xúc với Facebook; sức khỏe suy giảm...</i>	0,5
	3	Facebook cũng bị coi là “một chất gây nghiện”, vì: - Facebook tạo ra một “thế giới ảo” với nhiều ứng dụng có sức hấp dẫn, lôi cuốn. - Là nơi người dùng có thể tự thể hiện mình, tự do phát ngôn, chia sẻ, ...và có thể “sống ảo”. - Người dùng mất lí trí để kiểm soát độ đúng/sai của nội dung trên Facebook.	1,0
	4	Nêu rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình, lí giải hợp lí, thuyết phục về <i>tình trạng nhiều thanh thiếu niên có cái nhìn lệch lạc về cuộc sống từ những thông tin không lành mạnh trên Facebook.</i>	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ của bản thân trước hiện tượng một phần không nhỏ giới trẻ hiện nay “quay cuồng trong thế giới ảo”	2,0
		<i>a) Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo kiểu diễn dịch, qui nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		<i>b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: trách nhiệm của bản thân trước hiện tượng một phần không nhỏ giới trẻ hiện nay “quay cuồng trong thế giới ảo”</i>	0,25
		<i>c) Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ <i>trách nhiệm của bản thân trước hiện tượng một phần không nhỏ giới trẻ hiện nay “quay cuồng trong thế giới ảo”</i> . Có thể theo hướng sau: - Mạng xã hội có mặt tốt nhưng là “thế giới ảo” - môi trường thuận lợi để cái xấu lan tràn. - Phần lớn giới trẻ hiện nay đều sử dụng Facebook và một bộ phận không nhỏ “quay cuồng trong thế giới ảo” đó. Những suy nghĩ, hành vi lệch lạc của họ trên mạng đã gây ra những cú sốc trong dư luận và tác động xấu đến cuộc sống của bản thân và mọi người. - Nêu cao trách nhiệm khi sử dụng mạng xã hội: khai thác mặt tích cực; biết chọn lọc thông tin lành mạnh, có ích, tinh táo tránh mọi cám dỗ từ nó	1,0
		<i>d) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</i>	0,25
		<i>e) Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận</i>	0,25
	2	Tâm trạng và hành động của Mị trong đêm cứu A Phủ - liên hệ với hành động tự kết liễu đời mình của nhân vật Chí Phèo để thấy được tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn.	5,0
		<i>a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0,25

	<p><i>Mở bài:</i> Giới thiệu được vấn đề; <i>Thân bài:</i> Triển khai được vấn đề; <i>Kết bài:</i> Khái quát được vấn đề</p>	
	<p>b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: diễn biến tâm trạng và hạnh động Mị trong đêm cứu A Phủ và liên hệ hành động tự kết liễu đời mình của Chí Phèo</p>	0,5
	<p>c) Triển khai vấn đề nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, đoạn trích Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài) - Diễn biến tâm trạng và hành động của Mị: Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng cần đáp ứng các yêu cầu sau: + Về nội dung: <ul style="list-style-type: none"> • Từ vô cảm đến đồng cảm trước cảnh A Phủ bị trói • Nhận thức rõ sự độc ác và bất công do cha con thống lí gây ra • Hành động cứu người với suy nghĩ chấp nhận sự hi sinh về mình • Vùng chạy theo A Phủ, tự giải thoát cuộc đời mình Từ đó tác giả ca ngợi sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do và khả năng cách mạng của nhân dân lao động Tây Bắc + Về nghệ thuật: tạo tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn; miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, hợp lí</p>	0,5 2,0
	<p>* Tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn. - <i>Hành động của nhân vật:</i> Hành động Chí Phèo là tuyệt vọng, bế tắc, không lối thoát; Hành động của Mị (dù tự phát nhưng đó là hành động có quá trình) quyết liệt, dũng cảm và tự mình giải thoát số phận nô lệ, trở thành người tự do. - <i>Ngòi bút nhân đạo của hai nhà văn</i> + <i>Giống nhau:</i> Niềm đồng cảm sâu sắc đối với những người lao động nghèo, lương thiện bị tước đoạt quyền sống; Bóc trần bản chất tàn bạo, độc ác của bè lũ TDPK; ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, niềm khao khát sống lương thiện, tự do của những con người nghèo khổ ấy. + <i>Khác nhau:</i> . Nhà văn Nam Cao có cái nhìn bế tắc trước số phận của nhân vật mình – Chí Phèo đã chết, dù trong đau đớn nhưng chưa hết, vì sẽ có những thân phận như Chí Phèo ra đời và sống kiếp quần quanh bên “cái lò gạch cũ”. Bế tắc của Nam Cao cũng là bế tắc của cả thế hệ nhà văn lúc bấy giờ. . Nhà văn Tô Hoài sáng tác truyện Vợ chồng A Phủ dưới ánh sáng cách mạng, được tư tưởng cách mạng dẫn đường, bản thân nhà văn từng theo chân bộ đội tham gia chiến dịch giải phóng vùng Tây Bắc, vì vậy ông có cái nhìn tiến bộ hơn so với các nhà văn hiện</p>	1,0

	thực trước cách mạng tháng Tám. Đó là nhà văn phát hiện khả năng cách mạng của những con người nghèo khổ.	
	d) <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e) <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận	0,5

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 10

I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu sau:

Xin đừng vội nghĩ cứ có học vấn, bằng cấp cao là nghiêm nhiên trở thành người có văn hoá. Trình độ tri thức văn hoá cũng mới chỉ là tiên đề. Nếu sự rèn luyện nhân cách kém thì tiềm năng hiểu biết đó sẽ tạo nên thói hợm hĩnh, khinh đời; phong cách sống càng xấu đi, càng giảm tính chất văn hoá. Trong thực tế, ta thấy không hiếm những người có học mà phong cách sống lại rất trái ngược. Họ mở miệng là văng tục, nói câu nào cũng đều có kèm từ không đẹp. Mặt vênh vênh vào vào, coi khinh hết thấy mọi người. Trò chuyện với ai thì bao giờ cũng hiểu thắng, nói lấy được, nhưng khi gặp khó khăn thì chùn bước, thoái thác trách nhiệm. Trong lúc đó, có người học hành chưa nhiều, chưa có học hàm, học vị gì nhưng khiêm tốn, lịch sự, biết điều trong giao tiếp, khéo léo và khôn ngoan trong cách ứng xử trước mọi tình huống của cuộc sống. Rõ ràng là chất văn hoá trong phong cách sống phụ thuộc nhiều vào ý thức tu dưỡng tính nết, học tập trường đời và kết quả của giáo dục gia đình.

Tất nhiên, tác động của trình độ học vấn đến sự nâng cao phong cách văn hoá của một người rất lớn. Cách suy nghĩ, cách giải quyết mâu thuẫn, sự ước mơ, kì vọng và sự trau dồi lí tưởng có liên quan mật thiết đến tiềm năng hiểu biết. Đa số những người có học vấn cao thường có phong cách sống đẹp. Không thể phủ nhận thực tế đó, chỉ có điều cần nhớ là trình độ học vấn và phong cách sống văn hoá không phải lúc nào cũng đi đôi với nhau.

(Trích *Học vấn và văn hoá* – Trường Giang)

Câu 1. Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? (0,5đ)

Câu 2. Theo tác giả, trình độ học vấn có tác động như thế nào đến phong cách văn hoá của một người? (1,0đ)

Câu 3. Đọc đoạn trích, anh/ chị hiểu yếu tố cốt lõi làm nên cốt cách văn hóa của một con người là gì? (0,5đ)

Câu 4. Theo anh/ chị, quan điểm của tác giả có phù hợp với cuộc sống hiện nay không? Vì sao? (1,0đ)

II. Làm Văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu văn được gọi ra từ phần đọc hiểu: *Rõ ràng là chất văn hoá trong phong cách sống phụ thuộc nhiều vào ý thức tu dưỡng tính nết, học tập trường đời và kết quả của giáo dục gia đình.*

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài (“Vợ chồng A Phủ” - Tô Hoài). Từ đó, liên hệ với tâm trạng của nhân vật Chí Phèo trong buổi sáng đầu tiên khi tỉnh rượu (“Chí Phèo” – Nam Cao), để nhận xét về cách khám phá vẻ đẹp tâm hồn con người lao động của hai nhà văn?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
	2	Theo tác giả, trình độ học vấn có tác động đến phong cách văn hoá của mỗi con người: -Tiềm năng hiểu biết, vốn tri thức sâu rộng là cơ sở hình thành lối suy nghĩ, cách ứng xử, cách giải quyết mâu thuẫn, khát vọng và lí tưởng sống của một con người. -Trên thực tế, đa số những người có học vấn cao thường có phong cách sống đẹp.	1,00
	3	Đọc đoạn trích, có thể thấy yếu tố cốt lõi làm nên cốt cách văn hoá của một con người là: -Sự giáo dục của gia đình, nhà trường. -Đặc biệt là ý thức tu dưỡng đạo đức, hoàn thiện nhân cách và không ngừng học tập từ thực tế đời sống của mỗi cá nhân.	0,5
	4	HS trình bày theo quan điểm cá nhân rõ ràng, thuyết phục dưới hình thức một đoạn văn ngắn, không mắc lỗi diễn đạt.	1,00
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Bày tỏ suy nghĩ về ý kiến: <i>Rõ ràng là chất văn hoá trong phong cách sống phụ thuộc nhiều vào ý thức tu dưỡng tính nết, học tập trường đời và kết quả của giáo dục gia đình.</i>	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Rõ ràng là chất văn hoá trong</i>	0,25

	<p><i>phong cách sống phụ thuộc nhiều vào ý thức tu dưỡng tính nết, học tập trường đời và kết quả của giáo dục gia đình.</i></p>	
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra biện pháp khắc phục hiện tượng.</p>	1,25
	<p>*Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Rõ ràng là chất văn hoá trong phong cách sống phụ thuộc nhiều vào ý thức tu dưỡng tính nết, học tập trường đời và kết quả của giáo dục gia đình.</i></p> <p>* Các câu phát triển đoạn:</p> <p>- Giải thích: Văn hoá là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra. <i>Phong cách sống</i> là những nét điển hình, được lặp đi lặp lại và định hình thành phong cách, thói quen trong đời sống cá nhân, nhóm xã hội, dân tộc, hay là cả một nền văn hóa. Ý cả câu: Con người có văn hoá là nhờ sự kết hợp của ba yếu tố: tự thân rèn luyện, từng trải trong đời và sự giáo dục của gia đình.</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ “Ý thức tu dưỡng tính nết” là yếu tố quan trọng nhất để hình thành phong cách sống văn hóa.</p> <p>+ Trường đời là môi trường thực tế tôi luyện con người.</p> <p>+ Gia đình là cái nôi hình thành văn hoá trong phong cách sống mỗi người. Nhờ có gia đình, mỗi người không những được nuôi dưỡng mà còn được dạy dỗ về tình thương, cách ứng xử trong quan hệ...</p> <p>Ba yếu tố trên có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, hình thành nên <i>chất văn hoá trong phong cách sống</i> của mỗi người. (<i>dẫn chứng thực tế</i>)</p> <p>-Phê phán những người tuy có trình độ học vấn nhưng văn hoá sống thấp, nhất là trong ứng xử giao tiếp, trong nhận thức và hành động.</p>	1,00
	<p>* Câu kết đoạn: Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân: Ý thức được văn hoá của con người rất quan trọng. Bản thân không ngừng học tập và tu dưỡng để có lối sống đẹp.</p>	0,25
	<p>d. Sáng tạo</p> <p>Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu</p> <p>Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25
2	<p>Cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài (“Vợ chồng A Phủ” - Tô Hoài). Từ đó,</p>	5,0

	<p>liên hệ với tâm trạng của nhân vật Chí Phèo trong buổi sáng đầu tiên khi tỉnh rượu (“Chí Phèo” – Nam Cao), để nhận xét về cách khám phá vẻ đẹp tâm hồn con người lao động của hai nhà văn?</p>	
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p>	0,25
	<p>Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận về tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài (“Vợ chồng A Phủ” - Tô Hoài). Từ đó, liên hệ với tâm trạng của nhân vật Chí Phèo trong buổi sáng đầu tiên khi tỉnh rượu (“Chí Phèo” – Nam Cao), để nhận xét về cách khám phá vẻ đẹp tâm hồn con người lao động của hai nhà văn?</p>	0,50
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.</p>	3.50
	<p>1. Giới thiệu chung – Giới thiệu về tác giả Tô Hoài; tâm trạng của Mị trong cảnh đêm tình mùa xuân. – Giới thiệu về tác giả Nam Cao; tâm trạng của Chí Phèo trong cảnh buổi sáng đầu tiên khi tỉnh rượu. Hai nhà văn đều đi sâu khám phá vẻ đẹp tâm hồn con người lao động.</p>	0,50
	<p>2. Cảm nhận tâm trạng nhân vật Mị trong cảnh mùa xuân ở Hồng Ngài – Mị có phẩm chất tốt đẹp nhưng bị đày đọa cả về thể xác và tinh thần. – Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân: + Bên trong hình ảnh “con rùa nuôi trong xó cửa” vẫn đang còn một con người khát khao tự do, hạnh phúc. Gió rét dữ dội cũng không ngăn được sức xuân tươi trẻ trong thiên nhiên và con người, tất cả đánh thức tâm hồn Mị. + Mị uống rượu để quên hiện tại đau khổ. Mị nhớ về thời con gái, Mị sống lại với niềm say mê yêu đời của tuổi trẻ. + Tiếng sáo (biểu tượng của tình yêu và khát vọng tự do) từ ngoại cảnh đã đi sâu vào tâm tư Mị. + Mị thấp đèn như thấp lên ánh sáng chiếu rọi vào cuộc đời tăm tối. Mị chuẩn bị đi chơi nhưng bị A Sử trói lại; tuy bị trói nhưng Mị vẫn tưởng tượng và hành động như một người tự do, Mị vùng bước đi. – Khái quát nghệ thuật</p>	1,50

	<p>+ Bút pháp hiện thực sắc sảo, nghệ thuật phân tích tâm lí tinh tế, Tô Hoài đã xây dựng thành công nhân vật Mị.</p> <p>+ Có áp bức, có đấu tranh; Mị chính là điển hình sinh động cho sức sống tiềm tàng, sức vươn lên mạnh mẽ của con người từ trong hoàn cảnh tăm tối hướng tới ánh sáng của nhân phẩm và tự do.</p> <p>3. Liên hệ tâm trạng của Chí Phèo trong cảnh buổi sáng đầu tiên khi tỉnh rượu</p> <p>a. Liên hệ tâm trạng của Chí Phèo trong cảnh buổi sáng đầu tiên khi tỉnh rượu:</p> <p>– Sau khi gặp Thị Nở và được Thị chăm sóc, yêu thương, Chí Phèo lần đầu tiên tỉnh rượu sau những cơn say triền miên và đã có sự chuyển biến sâu sắc trong tâm trạng:</p> <p>+ Từ tỉnh rượu đến tỉnh ngộ: Tỉnh rượu: lần đầu tiên – từ khi ra tù, Chí hết say và cảm nhận được thời gian và âm thanh hằng ngày của cuộc sống. Âm thanh cuộc sống đang từng tiếng một gõ nhịp vận hành cùng với sự thức tỉnh của Chí Phèo. Những âm thanh này ngày nào mà chẳng có, nhưng đây lại là lần đầu tiên Chí mới nhận ra. Tỉnh ngộ : nhận thức và nhìn lại cuộc đời mình trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.</p> <p>+ Khát khao hoàn lương và mong ước hạnh phúc. Chí mong muốn trở lại làm người lương thiện.</p> <p>Nam Cao cho cho ta thấy được bản tính tốt của con người có ngay trong con người bị tha hoá. Bản tính ấy sẽ trỗi dậy khi có chất xúc tác.</p> <p>b. Nhận xét về cách khám phá vẻ đẹp tâm hồn con người lao động của hai nhà văn</p> <p>– Hai nhân vật Mị và Chí Phèo là những hình tượng điển hình cho số phận con người lao động vượt lên sự đè nén của cường quyền để khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của con người.</p> <p>+ Mị: Tương chừng như đã trở thành vật vô tri, vô giác trong nhà thống lý, nhưng vẫn tiềm tàng sức sống mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân.</p> <p>+ Chí Phèo: Dù bị hủy hoại cả về nhân hình lẫn nhân tính nhưng Chí vẫn khao khát hướng đến cuộc sống lương thiện.</p> <p>- Mỗi nhà văn có một cách sáng tạo riêng, nhưng khi viết về người nông dân thì các tác giả đều đi sâu vào khám phá vẻ đẹp tâm hồn và niềm tin vào sức sống, bản chất lương thiện của người lao động. Từ đó, đề cao, trân trọng những phẩm chất đáng quý của người nông dân.</p>	<p>0,75</p> <p>0,75</p>
--	--	-------------------------

	d. Sáng tạo	0,50
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm	

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 11

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

-Ông ơi, cuộc sống là gì? – Một cậu bé da đỏ hỏi ông mình.

-Ông cảm thấy cuộc sống như hai con sói đang đánh nhau, một con thì hung dữ, đầy thù hận, còn một con thì tràn ngập lòng yêu thương, vị tha. - Người ông trả lời.

-Thế con sói nào sẽ chiến thắng hả ông? - Đứa cháu ngây thơ hỏi.

-À, điều này còn tùy vào chúng ta muốn con nào thắng, cháu ạ! - Người ông chậm rãi đáp.

Câu chuyện trên hé mở cho chúng ta thấy một quy luật bất biến của vũ trụ, một quy luật có khả năng thay đổi cuộc đời của mỗi chúng ta. Chúng ta sẽ trở nên những gì mình nghĩ.

Nói một cách đơn giản, nếu chúng ta suy nghĩ tích cực, thì những điều tốt đẹp của cuộc sống cũng đến với chúng ta. Ngược lại, những suy nghĩ tiêu cực chỉ đem lại cho chúng ta những điều không mong đợi. Hãy hình dung ý nghĩ như những hạt giống được gieo trong tâm hồn. Hạt giống tốt sẽ đem về những vụ mùa bội thu, hạt giống xấu chỉ cho quả đắng. Đúng như những gì trong quyển “*The power of Positive Thinking*” (Quyền năng của suy nghĩ tích cực), tiến sĩ Norman Vincent Peale đã viết: “Hãy kì vọng, chứ đừng hoài nghi. Vì sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kì khó khăn, trở ngại nào. Còn sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi”.

Do đó, mỗi người trong chúng ta đều có thể tạo nên những điều tốt đẹp nhất cho cuộc sống của mình. Biết bắt tay vào thực hiện những công việc được coi là tốt nhất dành cho mình tức là bạn đang gửi một thông điệp rằng bạn không những biết quý trọng bản thân mà bạn còn mến yêu cuộc đời này biết bao. Với cuộc sống và với cá nhân bạn, không có điều gì là không thể. Bạn hãy tin vào điều đó!

(Trích *Điều kì diệu của thái độ sống*, Tác giả: Mac Anderson, Dịch giả: Hiếu

Dân, Thế Lâm, Văn Khanh, NXB Tổng hợp TPHCM, 2016, tr 05)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?

2. Nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Hãy hình dung ý nghĩ như những hạt giống được gieo trong tâm hồn. Hạt giống tốt sẽ đem về những vụ mùa bội thu, hạt giống xấu chỉ cho quả đắng?*

3. Theo văn bản, thế nào là *suy nghĩ tích cực*, thế nào là *suy nghĩ tiêu cực*?

4. Thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất qua văn bản.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa câu nói của tiến sĩ Norman Vincent Peale: “*Hãy kì vọng, chứ đừng hoài nghi. Vì sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kì khó khăn, trở ngại nào. Còn sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi*” được dẫn ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

(Xuân Quỳnh- Sóng)

Cảm nhận đoạn thơ trên. Từ đó, liên hệ với đoạn thơ:

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm,
cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

(Xuân Diệu -Vội vàng)

để nhận xét về khát vọng của mỗi nhà thơ.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu /Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính trong văn bản: nghị luận	0.5
	2	Biện pháp tu từ trong câu “ <i>ý nghĩ như những hạt giống được gieo trong tâm hồn</i> ” là biện pháp so sánh; biện pháp đó có tác dụng làm cho nhận định về tầm quan trọng của ý nghĩ có hình ảnh cụ thể. Qua đó, người đọc hình dung rõ hơn tác dụng của ý nghĩ tốt và hậu quả của ý nghĩ xấu.	1.0
	3	Cách hiểu về <i>suy nghĩ tích cực, suy nghĩ tiêu cực</i> trong văn bản: - <i>Suy nghĩ tích cực</i> : là suy nghĩ theo chiều hướng tốt làm cho con	0.5

		người lạc quan, vui vẻ; theo đó những điều tốt đẹp sẽ đến. - <i>Suy nghĩ tiêu cực</i> : là suy nghĩ theo chiều hướng xấu làm cho con người bất an, lo lắng, chỉ nhận được những điều bất lợi.	
	4	Học sinh có thể trình bày thông điệp tâm đắc nhất theo ý riêng. Yêu cầu chung là phải xuất phát từ văn bản, diễn đạt gọn rõ, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1.0
II		Làm văn	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa câu nói của tiến sĩ Norman Vincent Peale: <i>“Hãy kì vọng, chớ đừng hoài nghi. Vì sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kì khó khăn, trở ngại nào. Còn sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi”</i> .	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự kì vọng trong cuộc sống của con người.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là phương thức nghị luận; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan; nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: kì vọng tin tưởng, hi vọng vào người nào đó làm được điều tốt đẹp cao hơn mức bình thường; hoài nghi là không tin hẳn, ở mức cao hơn có thể dẫn tới nghi ngờ, phủ định. Thực chất câu nói là chỉ ra lợi ích của sự kì vọng và hậu quả của sự hoài nghi. -Phân tích, chứng minh + Tại sao sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kỳ khó khăn, trở ngại nào? ++ Nhờ có sự kì vọng, con người dám đề ra mục đích của cuộc đời, từ đó động lực để phấn đấu; ++ Kì vọng sẽ nâng cao ý chí, nghị lực, tự tin, bản lĩnh sống để vươn đến thành công. + Tại sao sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi? ++ Vì sự hoài nghi sẽ tạo ra tâm lí bất an, luôn nghi hoặc hoặc ngờ vực trước mọi điều xảy ra; ++ Sống trong hoài nghi, con người bị xói mòn niềm tin, nhất là không tin rằng chính mình, cộng sự của mình. Vì thế, dẫn đến tâm lí ngại khó, ngại khổ, ngại gặp trở lực,...dễ dẫn đến chấp nhận rút lui, đầu hàng hoàn cảnh. + Bàn bạc mở rộng: Sự kì vọng phải dựa trên cơ sở thực tế, không	1.00

	<p>để kì vọng thành ảo vọng. Cần phê phán những người sống trong vòng luẩn quẩn nghi ngờ không có căn cứ,...</p> <p>c.3. Câu kết đoạn: Đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: Tuổi trẻ cần sống đẹp, sống có lí tưởng, biết kì vọng vào tương lai của mình để học tập, trau dồi đạo đức, nhân cách, chuẩn bị hành trang để vào đời.</p>	
	<p>d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 02 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)</p>	0,25
2	<p>Cảm nhận về đẹp đoạn thơ trong bài thơ <i>Sóng</i> (Xuân Quỳnh). Từ đó, liên hệ với đoạn thơ trong <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu) để nhận xét về khát vọng của mỗi nhà thơ.</p>	5,0
	<p>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	(0,25)
	<p>2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận đoạn thơ trong bài thơ <i>Sóng</i> (Xuân Quỳnh). Liên hệ với đoạn thơ trong <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu) để nhận xét về khát vọng của mỗi nhà thơ.</p>	(0,25)
	<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa phân tích nội dung và nghệ thuật. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 * Dẫn dắt, giới thiệu sơ lược về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ “Sóng” - Xuân Quỳnh là một gương mặt đặc sắc trong lĩnh vực thơ tình. Thơ chị luôn đầm ấm dịu dàng, thể hiện niềm khát khao hạnh phúc đời thường và mong gắn bó hết mình với cuộc sống. - “Sóng” là một trong số những bài thơ tình “đi cùng năm tháng” vừanồng nàn, táo bạo, thiết tha, say đắm vừa dịu dàng, nữ tính. Đặc biệt, đoạn thơ: <p style="text-align: center;">“ Cuộc đời tuy dài thế Năm tháng vẫn đi qua Để ngàn năm còn vỗ”</p> </p>	(4.00)
	<p>* Nêu ý liên hệ: - Nếu bài thơ ‘Sóng’ là tiếng lòng của một phụ nữ đang yêu thì “Vội vàng” là những đợt sóng dâng trào của nỗi đam mê, khát khao hạnh phúc tuổi xuân của một chàng trai trẻ “khát khao giao cảm với đời”- Xuân Diệu. Hai tác phẩm là hai bông hoa đẹp của vườn thơ tình yêu tuổi trẻ Việt Nam hiện đại. 3.2.Thân bài: 3.50</p>	

a. Khái quát sơ lược về tác phẩm và đoạn thơ cần cảm nhận:

0.25 đ

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ Sóng sáng tác cuối năm 1967 trong chuyến đi thực tế của nhà thơ ở vùng biển Diêm Điền, in trong tập “*Hoa dọc chiến hào*” (1968). Bài thơ gồm 9 khổ, trong tư thế đối diện với sóng biển, nhân vật trữ cảm nhận các trạng thái của tình yêu và khát vọng thủy chung.

- Đoạn thơ trên là hai khổ cuối, thể hiện những suy tư trăn trở của nhân vật trữ tình trước sự trôi chảy của thời gian và khát khao được sống hết mình trong tình yêu vĩnh viễn.

b. Cảm nhận về đẹp đoạn thơ

*** Về đẹp nội dung**

- **Khổ 1:** Suy tư về cuộc đời: Cuộc đời mỗi người tuy dài nhưng vẫn là hữu hạn trong dòng thời gian vô thủy vô chung, cũng như biển kia dẫu rộng vẫn không so được với cái bao la vô tận của bầu trời.

- **Khổ 2:** Em mong ước hoá thân vào sóng để bắt tử hoá tình yêu (*Tan ra là sự hoá thân hoàn toàn vừa như mất đi hoàn toàn mà như hoàn toàn hiện hữu trong từng phân tử của sóng nước*). Tình yêu lứa đôi thật sự vững bền khi tình yêu ấy hòa nhập trong “biển lớn tình yêu” của cộng đồng.

*** Về đẹp nghệ thuật**

- Đoạn thơ sử dụng thể thơ 5 chữ; có sự đan kết giữa mạch suy tư, luận lí và mạch cảm xúc; giọng thơ vừa như lời tự nhủ, một ao ước vừa như một niềm tin.

- Không gian vũ trụ, thời gian vĩnh hằng đã nâng cao tầm vóc của chủ thể trữ tình. Chuyện một người thành chuyện của Con người.

c. Liên hệ, so sánh để bàn luận mở rộng: 1.0đ

- Nếu Xuân Quỳnh là “nữ hoàng” của thơ tình Việt thì Xuân Diệu là “ông hoàng”. Cả hai cùng nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian, cùng khát khao cháy bỏng được sống, được yêu để rồi cùng gửi gắm nỗi lòng ấy vào thơ.

- Tuy cả hai cùng chung khát vọng *giao cảm* mãnh liệt, nhưng khát vọng noi hồn thơ của Xuân Quỳnh và Xuân Diệu có nét độc đáo riêng:

+ Ở “**Vội vàng**”, Xuân Diệu bộc bạch một khát vọng sống mãnh liệt, một niềm ham sống vô biên, khát khao vô cùng bằng hàng loạt động từ mạnh, “*muốn ôm*”, “*muốn riết*”, “*muốn say*”, “*muốn thấu*”, muốn giao cảm trọn vẹn với “Xuân hồng”. Khát vọng của Xuân Diệu là tình yêu mãnh liệt đối với sự sống, tuổi trẻ.

+ Ở “**Sóng**”, Xuân Quỳnh bộc lộ khát khao của người phụ nữ vừa truyền thống vừa hiện đại, dù lo âu trước cái vô tận của thời gian, vẫn vững tin vào sức mạnh tình yêu, vẫn khao khát yêu và được

	<p>yêu, được “tan ra” để hòa chan trong khối tình chung vĩnh hằng của nhân loại.</p> <p>⇒ Trước cuộc đời, trong tình yêu, Xuân Quỳnh, Xuân Diệu mang những khát vọng rất riêng, tạo nên sự đa dạng trong thơ tình Việt.</p> <p>+ Nguyên nhân sự khác biệt :</p> <p>++ Thời đại, cảnh ngộ riêng để lại dấu ấn trong cảm xúc và cách biểu đạt khát vọng của mỗi nhà thơ.</p> <p>++ Mỗi tác giả là một cá tính sáng tạo độc đáo, một phong cách không trộn lẫn.</p> <p>3.3.Kết bài: 0.25</p> <p>Kết luận về nội dung, nghệ thuật của hai đoạn thơ. Cảm nghĩ của bản thân về vẻ đẹp khát vọng sống và tình yêu.</p>	
	<p>4. Sáng tạo</p> <p>Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	(0,25)
	<p>5. Chính tả, dùng từ, đặt câu</p> <p>Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)</p>	(0,25)

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 12

I. PHẦN ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tỉ phú Hồng Kông Y Pang-Lin vừa qua đời ở tuổi 93, để lại di chúc hiến toàn bộ tài sản trị giá khoảng 2 tỉ USD cho hoạt động từ thiện. Ông giải thích hành động của mình “Nếu các con tôi giỏi hơn tôi thì chẳng cần phải để nhiều tiền cho chúng. Nếu chúng kém cỏi thì có nhiều tiền cũng chỉ hại cho chúng mà thôi”. Y Pang-Lin không phải là người đầu tiên trên thế giới “keo kiệt” với con nhưng lại hào phóng với xã hội. Người giàu nhất thế giới – Bill Gates – từng tuyên bố sẽ chỉ để lại cho con 0,05% tổng tài sản kếch xù của mình. Báo chí hỏi tại sao như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống để phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội. Đã là con người thì phải lao động. Tại sao tôi phải cho con tiền?

Nhưng cũng có người con sẵn sàng từ chối thứ mà “đời bố hi sinh” để “củng cố” cho mình. Stephen Covey – người từng được tạp chí Time bầu chọn là 1 trong 25 nhân vật ảnh hưởng nhất thế giới, tác giả cuốn sách nổi tiếng Bảy thói quen để thành đạt – viết di chúc để lại tiền cho con và ra đi năm 2012. Cả chín người con không

ai nhận tiên. Họ lý giải rất giản dị rằng họ là những người bình thường và hoàn toàn có thể tự lao động, tự kiếm sống được.

Tương tự, tỉ phú Warren Buffett viết di chúc để lại 10% tài sản của mình cho con, còn lại là làm từ thiện. Tuy nhiên, ba người con, dù không phải quá giàu có, cũng từ chối và dành luôn số tiền đó cho từ thiện.

[...]. Có người cho rằng, có hai thứ mà cha mẹ cần trang bị cho con cái và chỉ hai thứ đó là đủ, còn không, nếu có để lại cho con thứ gì đi nữa mà thiếu hai thứ đó thì coi như chưa cho con gì cả. Hai thứ đó là : ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm.

(Theo Nhật Huy, Không để lại tiên cho con, Dẫn theo <http://tuoitre.vn>, ngày 10/5/2015)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, vì sao những người cha tỉ phú như Pang-Lin, Bill Gates,... không muốn để lại nhiều của cải cho con?

Câu 3. Anh/chị rút ra thông điệp gì từ văn bản trên?

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến được nêu ở đoạn cuối của văn bản (Có người cho rằng ... để tự chịu trách nhiệm) không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Văn bản phần Đọc hiểu gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về *tính tự lập* của con người, nhất là tuổi trẻ? Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ đó.

Câu 2 (5,0 điểm)

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay xè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giẫy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

- Vâng.

Người đàn bà lặng lẽ đi vào bếp [...]

[...] Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, đôn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vùn trên nền trời như những đám mây đen.

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng:

- Trông gì đấy, u nhi?

- Trông thúc thuế đấy. Đàng thì nó bắt giồng đay, đàng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... - Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lắm, thị lâm bâm:

- Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à?

Im lặng một lúc thị lại tiếp:

- Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó dăm dăm. Miếng cám ngậm trong miệng hẳn đã bã ra chất xít... Hẳn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng hỏi vội trong miếng ăn:

- Việt Minh phải không?

- Ủ, sao nhà biết?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói âm âm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đàng trước có lá cờ đỏ to lắm.

Hôm ấy hắn lảng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tắt cánh động đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dưng hắn thấy ân hận, tiếc rẻ vẫn vợ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trông thúc thuế vẫn đôn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

(Trích *Vợ nhặt* – Kim Lân, *Ngữ văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, trang 30 - 32)

Anh/chị hãy phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng trong đoạn trích trên. Liên hệ cách kết thúc đoạn trích này (cũng là cách kết thúc truyện ngắn *Vợ nhặt*) với cách kết thúc truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao (*Sách Ngữ văn 11*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, trang 154 - 155) để bình luận cách nhìn của hai nhà văn về người nông dân trong xã hội cũ.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/ Yêu cầu	Nội dung	Điểm
I		ĐOC HIÊU	3,0
	1	Phong cách ngôn ngữ báo chí/chính luận	0,5
	2	Những người cha tị phú như Pang-Lin, Bill Gates,... không muốn để lại nhiều của cải cho con vì họ quan niệm rằng: -Nếu con cái của họ tài giỏi, chúng sẽ tự kiếm được tiền. Nếu chúng kém cỏi thì của cải có sẵn chỉ làm hại chúng thôi (lười biếng, ỷ lại, sa vào tệ nạn xã hội,...)	1,0

		- Lao động là trách nhiệm của mỗi con người, không chỉ để nuôi sống bản thân mà còn góp phần thúc đẩy xã hội.	
	3	Thông điệp của văn bản: con người, nhất là tuổi trẻ, phải có tính tự lập trong cuộc sống; phải tự mình làm chủ cuộc sống của mình, không dựa dẫm vào người khác.	0,5
	4	Học sinh tự lựa chọn câu trả lời (Đồng tình/ Không đồng tình) và phải có lí giải cụ thể, đúng hướng (không trái với đạo đức và pháp luật). - Nếu thí sinh chọn cách trả lời <i>đồng tình</i> , có thể lí giải như sau: + Bởi <i>ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm</i> là hai phẩm chất quan trọng để con người sống tự lập, làm chủ cuộc đời mình. + Nếu con người, nhất là thanh niên, thiếu hai phẩm chất trên, chỉ dựa dẫm vào cha mẹ thì sẽ sinh ra lười biếng, sa vào tệ nạn xã hội, và rồi cuối cùng tiền bạc cũng sẽ tiêu tan, cuộc sống thiếu bền vững. - Nếu thí sinh chọn cách trả lời <i>không đồng tình</i> thì phải có sự lí giải cụ thể, nhưng không trái với đạo đức và pháp luật.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ gì về tính tự lập của con người	2,0
		a). Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Đoạn văn có câu mở đoạn, các câu thân đoạn và câu kết đoạn. Các câu này có sự liên kết chặt chẽ.	0,25
		b). Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tính tự lập của con người	0,25
		c). Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là định hướng cho nội dung đoạn văn: * <i>Mở đoạn.</i> Tính tự lập là một đức tính quan trọng, cần thiết đối với mỗi cá nhân đặc biệt là các bạn trẻ trong xã hội hiện đại. * <i>Thân đoạn:</i> - Thế nào là tính tự lập? Tính tự lập là không dựa dẫm vào người khác, sử dụng tài năng, bản lĩnh của cá nhân để làm chủ cuộc sống của mình. - Tính tự lập có những biểu hiện cụ thể gì? Tính tự lập được thể hiện ở sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách, ý chí nỗ lực vươn lên trong học tập và cuộc sống. + Tự lập trong học tập: học tập không cần sự nhắc nhở của cha mẹ; có ý thức phấn đấu, vươn lên để đạt thành tích cao hơn,...	1,0

	<p>+ Tự lập trong cuộc sống: Tự chăm lo cho bản thân, hoàn thành các công việc được giao phó, giúp đỡ những người xung quanh,...</p> <p>- Vì sao phải rèn luyện tính tự lập? (Ý nghĩa, tác dụng)</p> <p>+Rèn luyện đức tính tự lập sẽ giúp cá nhân có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đến thành công.</p> <p>+ Giúp chúng ta trưởng thành, bản lĩnh, vững vàng hơn trong cuộc sống.</p> <p>+Đức tính tự lập giúp chúng ta làm chủ cuộc sống của chính mình.</p> <p>- Bàn luận, mở rộng vấn đề.</p> <p>+ Hiện nay, còn có rất nhiều bạn trẻ có tính ỷ lại, thụ động không biết phấn đấu, vươn lên làm chủ cuộc sống của bản thân. Đó là một thái độ đáng chê trách và lên án,</p> <p>+ Muốn có đức tính tự lập các bạn trẻ cần chủ động trong mọi việc, sẵn sàng hăng hái tham gia mọi hoạt động, kiên trì vượt qua mọi khó khăn, thử thách.</p> <p><i>*Kết đoạn (Thái độ của bản thân)</i></p> <p>Mỗi chúng ta cần tự rèn luyện cho mình đức tính tự lập. Đức tính này chính là chìa khóa cho sự thành công của mỗi người.</p>	
	d). Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e). Sáng tạo : Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
2	Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Tràng trong đoạn trích <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân. Liên hệ cách kết thúc truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> với cách kết thúc truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> – Nam Cao, bình luận về cách nhìn người nông dân trong xã hội cũ.	5,0
	a). Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận : Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b). Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Diễn biến tâm trạng nhân vật Tràng trong đoạn trích <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân. Bình luận về cách nhìn người nông dân trong xã hội cũ qua cách kết thúc hai tác phẩm: <i>Vợ nhặt</i> và <i>Chí Phèo</i> – Nam Cao,	0,5
	c).Triển khai vấn đề nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai nội dung vấn đề; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là định hướng cho nội dung bài văn: <i>*Giới thiệu:</i> Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Kim Lân, truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> và nhân vật Tràng (sau khi lấy vợ)	3,5
		0,5

	<p><i>*Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt tình huống lấy vợ của Tràng - Tâm trạng của Tràng trong buổi sáng ngày đầu có vợ: <ul style="list-style-type: none"> + Vẫn còn ngỡ ngàng + Cảm động, hạnh phúc khi nhìn thấy cảnh cửa nhà thay đổi và cảnh mẹ cùng vợ quét tước sân vườn – một cảnh gia đình ấm áp trong ngày đôi. + Dự tính về cuộc sống tương lai, ý thức về trách nhiệm của mình với gia đình. + Kết thúc là sự nhận hiểu về Việt Minh, về đoàn người đôi đi phá kho thóc. - Qua nhân vật Tràng, Kim Lân khẳng định bản chất tốt đẹp, sức sống mạnh mẽ của con người Việt Nam : tình người cao đẹp, khát vọng sống và niềm hi vọng vào cuộc sống, vào tương lai. -Nghệ thuật miêu tả, khắc họa nhân vật: <ul style="list-style-type: none"> +Đặt nhân vật trong tình huống lạ, độc đáo. +Miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế. <p><i>*Liên hệ kết thúc của truyện ngắn Chí Phèo và bình luận.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ nhân vật Chí Phèo <ul style="list-style-type: none"> + Sau khi gặp thị Nở, Chí Phèo khát khao được hoàn lương, được chung sống với thị Nở; nhưng thị Nở từ chối chung sống do bà cô ngăn cản. +Chí Phèo đau khổ, tuyệt vọng, giết chết bá Kiến và tự kết liễu cuộc đời mình. +Nghe tin Chí Phèo chết, thị Nở nhìn nhanh xuống bụng và thấy thoáng hiện một cái lò gạch cũ. -Bình luận: <ul style="list-style-type: none"> + Qua nhân vật Chí Phèo, Nam Cao phản ánh tình trạng bế tắc, tuyệt vọng của người nông dân bị áp bức bởi bọn thống trị , họ bị cướp đoạt vĩnh viễn cuộc sống. Và đó cũng là cái nhìn bi quan của Nam Cao về số phận của người nông dân trong xã hội cũ. + Qua nhân vật Tràng, Kim Lân thể hiện cái nhìn lạc quan, hướng tới tương lai tươi sáng cho những người lao động nghèo khổ. + Sự khác biệt về kết thúc của hai tác phẩm xuất phát từ hoàn cảnh xã hội khi hai tác phẩm ra đời. + Tuy nhiên, cả hai tác phẩm đều thể hiện tinh thần nhân đạo của hai nhà văn. 	<p>2,0</p> <p>1,0</p>
	<p>d). Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	<p>0,25</p>

	e). Sáng tạo : Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
--	---	-----

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 13

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới

Họ làm việc suốt cả tuần đằng đẵng, họ khổ sở vì làm việc, không phải vì họ thích làm việc mà họ cảm thấy họ phải làm. Họ phải làm việc, vì họ phải trả tiền thuê nhà, vì họ phải nuôi gia đình. Họ gánh tất cả những nhọc nhằn bất mãn ấy và khi họ nhận lại được những đồng tiền của mình, họ không hạnh phúc. Họ có hai ngày để nghỉ ngơi, làm điều họ muốn làm, và họ làm gì? Họ tìm cách chạy trốn. Họ uống say mềm, vì họ không yêu chính họ. Họ không thích cuộc sống của họ. Có nhiều cách để chúng ta tự làm tổn thương mình, khi chúng ta không yêu bản thân mình.

Mặt khác, nếu bạn hành động chỉ vì lợi ích của hành động đó mà không mong chờ phần thưởng, bạn sẽ thấy rằng bạn vui thích với mỗi hành động bạn thực hiện. Các phần thưởng rồi sẽ đến, nhưng bạn không bị ràng buộc vào phần thưởng. Bạn thậm chí còn nhận được cho mình nhiều hơn những gì bạn tưởng tượng, khi không mong chờ phần thưởng. Nếu chúng ta yêu thích điều chúng ta làm, nếu chúng ta làm hết khả năng của mình, khi ấy chúng ta sẽ tận hưởng cuộc sống một cách thực sự. Chúng ta có niềm vui, chúng ta không nhàm chán và chúng ta không thất vọng.....

(Bốn thỏa ước, Don Miguel Ruiz, Nguyễn Trung Kỳ dịch, NXB Tri thức, 2017)

Câu 1. Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong văn bản trên, tác giả chỉ ra những thái độ nào của con người đối với công việc? Những biểu hiện nào thể hiện thái độ tích cực ? (1,0 điểm)

Câu 3. Trong đoạn trích có câu *Họ tìm cách chạy trốn*. Theo anh/chị, tác giả muốn nói họ tìm cách chạy trốn khỏi điều gì? (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Mặt khác, nếu bạn hành động chỉ vì lợi ích của hành động đó mà không mong chờ phần thưởng, bạn sẽ thấy rằng bạn vui thích với mỗi hành động bạn thực hiện?* Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về cách để mỗi người có thể tận hưởng được cuộc sống một cách thực sự.

Câu 2. (5,0 điểm)

1	Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về cách để mỗi người có thể tận hưởng được cuộc sống một cách thực sự.	2,0
	a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn.	0,25
	b. Triển khai nhất quán luận điểm: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng	
	- Giải thích “tận hưởng được cuộc sống một cách thực thụ” là sự hưởng thụ trọn vẹn tất cả niềm vui, sự hạnh phúc trong công việc và trong cuộc sống của mỗi con người.	0,25
	- Gợi ý: + Hưởng thụ thành quả trong công việc (khi được làm công việc mình yêu thích, khi hoàn thành công việc, khi công việc của mình có ích cho mọi người, cho xã hội...).	0,5
	+ Hưởng thụ những niềm vui trong cuộc sống...	
	- Phê phán những quan niệm sai lầm	0,5
- Rút ra bài học cho bản thân	0,25	
c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25	
2	Vẻ đẹp của thiên nhiên xứ Huế qua hai tác phẩm <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) và <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)?	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.	0,25
	b. Xác định vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp của thiên nhiên xứ Huế qua hai tác phẩm <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) và <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; Vận dụng tốt các thao tác lập luận, đặc biệt là thao tác lập luận so sánh để làm rõ sự giống và khác nhau trong việc thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên xứ Huế qua hai tác phẩm.	
	- Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm và khẳng định vấn đề cần nghị luận	0,5
	- Vẻ đẹp của thiên nhiên xứ Huế qua “ <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> ” của Hàn Mặc Tử + Cảnh vườn thôn Vĩ đẹp trong nắng ban mai (với cảnh lá môn môn đầm sương, ánh như ngọc) được miêu tả trực tiếp, qua những hình ảnh cụ thể, sinh động. Con người xứ Huế hiền lành, phúc hậu. + Cảnh trời, mây, sông, nước, nhất là cảnh dòng sông trăng, bến sông trăng với con thuyền chò đầy trăng huyền ảo, thơ mộng nhưng tất cả	1,0

	<p>đều thấm đượm nỗi buồn.</p> <p>⇒ Cảnh đẹp, giàu sức sống, thơ mộng nhưng đượm một nỗi buồn bàng khuâng, da diết của nhà thơ.</p>	
	<p>- Vẻ đẹp của dòng sông Hương trong bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường</p> <p>+ Vẻ đẹp được phát hiện ở cảnh sắc thiên nhiên: vẻ đẹp sinh động khi chảy qua những địa danh khác nhau (khi ở rừng già Trường Sơn, khi chảy qua cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại; khi chảy qua vùng ngoại ô Kim Long; khi chảy qua nội vi thành phố Huế...)</p> <p>+ Vẻ đẹp của sông Hương hiện lên qua cái nhìn hướng nội và cách thể hiện đầy tài hoa của tác giả: ông đã nhìn sông Hương như một cô gái Huế, từng có lúc là một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại, lúc là một thiếu nữ tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc, đa tình và kín đáo, lẳng lơ nhưng rất mực chung tình, khéo trang sức mà không lòe loẹt.</p>	1,0
	<p>- Điểm tương đồng:</p> <p>+ Cả hai nhà thơ đều lấy những địa danh nổi tiếng của xứ Huế (Vĩ Dạ và sông Hương) làm điểm nhấn và khởi hứng cảm xúc.</p> <p>+ Cùng tái hiện được vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh sắc con người xứ Huế rất riêng, rất thơ mộng. Có được điều đó chứng tỏ mảnh đất, con người Huế đã chiếm chỗ sâu bền nhất trong lòng các tác giả.</p> <p>+ Cả hai đều là những cây bút tài hoa, tinh tế, nhạy cảm trong văn chương, có tâm hồn hết sức lãng mạn, phong phú.</p>	0,5
	<p>- Điểm khác biệt:</p> <p>+ <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i>: bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu thiếp mà Hoàng Cúc gửi cho Hàn Mặc Tử nên điểm nhìn cảm xúc trong một không gian hẹp, cái nhìn từ kí ức. Cảnh vật của xứ Huế hiện lên với những nét đặc trưng rất bình dị, quen thuộc, gần gũi nhưng cũng thật lãng mạn: cảnh khu vườn mượt như ngọc, sông trăng huyền ảo, con người với vẻ đẹp đằm thắm, dịu dàng...cảnh vật in đậm cảm xúc về tình đời, tình người của nhà thơ.</p> <p>+ <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>: Hoàng Phủ Ngọc Tường chọn điểm nhìn là sông Hương, đặt trong một không gian phóng khoáng, rộng lớn hơn..... Vì thế vùng đất cố đô hiện lên toàn diện hơn, hiện thực hơn bởi sông Hương chính là linh hồn của Huế, là nơi tích tụ những trầm tích văn hóa lâu đời của mảnh đất kinh thành cổ xưa.</p>	0,5
	<p>- Lí giải sự khác biệt:</p> <p>+ Xuất phát từ đặc điểm của thể loại thơ và bút kí là khác nhau. Thơ nghiêng về cảm xúc, tâm trạng mang tính chủ quan. <i>Bút kí</i> có tính xác</p>	0,5

	<p>thực và khách quan.</p> <p>+ Đối với Hàn Mặc Tử, Huế là nơi tác giả từng gắn bó, giờ đã trở thành kỉ niệm. Còn Hoàng Phủ Ngọc Tường là người con của xứ Huế nên chất Huế đã thấm sâu vào tâm hồn máu thịt của ông.</p>	
	d. Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
	c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Điểm toàn bài thi: I + II = 10.00 điểm	

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 14

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Sự chia sẻ cũng làm giảm bớt đi những nỗi sợ hãi, nhàm chán trong cuộc sống của chúng ta do nó thúc đẩy những môi giao tiếp xã hội và làm tăng cảm giác sống có mục đích, cảm giác an toàn cho mỗi người.

Một kết quả nghiên cứu mới đây cho thấy, những người xem nhiều tin tức trên truyền hình thường lo sợ thái quá về môi hiểm nguy đối với cuộc sống bình yên, hạnh phúc của họ. Nguyên do là vì phần lớn các chương trình truyền hình đều tập trung đưa thêm những bản tin, những hình ảnh rùng rợn, bất an, làm nảy sinh tâm lý hoang mang, sợ hãi trong lòng khán giả.

Và đáng ngại hơn, cuộc sống hiện đại đang xuất hiện ngày một nhiều “những cái kén người” tìm cách sống thu mình. Nói cách khác, những người này chỉ muốn tự nhốt mình trong tháp ngà của những mối quan hệ với người thân mà tự đánh mất dần mối quan hệ với hàng xóm. Chính lối sống ích kỷ này càng làm cho họ dễ bị kẻ xấu tấn công và dễ gặp những chuyện nguy hiểm hơn.

Cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là hãy đối mặt với chúng, từ đó bắt đầu một quá trình tạo nên sự khác biệt. Cội nguồn của mọi hiểm nguy đều xuất phát từ hệ quả của những mặt trái xã hội, nhưng thường thì chúng ta không dám nhìn thẳng vào vấn đề này. Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó. Chúng ta cần có thái độ thích hợp để làm giảm thiểu những nguyên nhân gây ra mọi bất ổn trong cuộc sống của mình.

(Cho đi là còn mãi –Azim Jamal & Harvey McKinno)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Theo tác giả, cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là gì?

Câu 3. Em hiểu như thế nào là “những cái kén người” trong câu “cuộc sống hiện đại đang xuất hiện ngày một nhiều “những cái kén người” tìm cách sống thu mình”?

Câu 4. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1(2.0 điểm)

Viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói ở phần Đọc hiểu: “Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó”

Câu 2 (5.0 điểm)

*Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Giã nan đòi vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...*

(Ngữ văn 12, Tập một, tr.111, NXB Giáo dục - 2009)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên. Từ đó hãy liên hệ với bài thơ “Tù ấ” để làm rõ một vẻ đẹp trong phong cách thơ Tố Hữu: luôn hướng về niềm vui lớn, tình cảm lớn.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	PHẦN ĐỌC HIỂU		3.0
	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	0.5
	2	Cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là hãy đối mặt với chúng, từ đó bắt đầu một quá trình tạo nên sự khác biệt.	0.5
	3	“ Những cái kén người” có nghĩa là người ta tự tạo cho mình một lớp vỏ an toàn, sống khép mình, sợ hãi với tất cả môi quan hệ xung quanh mình.	1.0
	4	Thông điệp tác giả muốn gửi gắm: Muốn khuyên chúng ta sẻ chia để vượt qua nỗi sợ hãi của bản thân trong cuộc sống.	1.0

II	LÀM VĂN		
1	<i>Viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu “Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó” được gọi ra ở phần Đọc hiểu.</i>	2.0	
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn (200 chữ) nghị luận xã hội. Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.</p> <p>(Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)</p>	0.25	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: câu “Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó”		
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động		
	- Giải thích: Ý nghĩa của cả câu: Lời khuyên con người nên có tâm thế tích cực trong việc đón nhận những sự việc xảy ra trong cuộc sống.	0.25	
	<p>* Bàn luận.</p> <p>- Ý nghĩa của vấn đề:</p> <p>+ Cuộc sống luôn tiềm ẩn những hiểm nguy đe dọa cuộc sống bình yên của con người</p> <p>+ Khi chúng ta tích cực vượt qua những sợ hãi để đón nhận mọi sự việc xảy đến với mình, chúng ta sẽ có một cuộc sống bình yên, hạnh phúc.</p> <p>- Phê phán những người luôn sợ hãi, sống thu mình trong những vỏ bọc; những người luôn bi quan, chán nản trước những khó khăn thử thách. Họ luôn thấy những điều tiêu cực và mất niềm tin vào cuộc sống.</p>	1.0	
	- Bài học nhận thức và hành động: Rút ra bài học phù hợp cho bản thân	0.25	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.25	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.		
2	<p style="text-align: center;"><i>Ta đi ta nhớ những ngày...</i> <i>Chày đêm nện cối đều đều suối xa...</i> <i>(Ngữ văn 12, Tập một, tr.111, NXB Giáo dục - 2009)</i></p>	5.0	

	Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên. Từ đó hãy liên hệ với bài thơ “Từ ấy” để làm rõ một vẻ đẹp trong phong cách thơ Tố Hữu: luôn hướng về niềm vui lớn, tình cảm lớn.	
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học: có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: qua khổ thơ thấy được nỗi nhớ của người cán bộ về xuôi với Việt Bắc. Từ đó liên hệ với bài thơ “Từ ấy” để làm rõ một vẻ đẹp trong phong cách thơ Tố Hữu: luôn hướng về niềm vui lớn, tình cảm lớn.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	
	- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận	0.5
	<p>a. Phân tích đoạn thơ: Đoạn thơ viết về nỗi nhớ của người cán bộ cách mạng đối với cuộc sống, con người ở Việt Bắc: khó khăn, gian khổ nhưng vẫn lạc quan, yêu đời.</p> <p>+ Bốn câu đầu: Hình ảnh chân thực về đời sống kháng chiến gian nan, cực khổ: <i>chia củ sắn lùi, bát cơm sè nửa, chăn sui đắp cùng</i> ->nghĩa tình sâu nặng, cảm động.</p> <p>+ Hai câu tiếp theo là hình ảnh người mẹ, kết tinh hình ảnh con người và cuộc sống kháng chiến: Con người Việt Bắc lam lũ, tần tảo, chịu thương chịu khó, nhưng tấm lòng hi sinh thầm lặng, chất chiu tất cả cho cách mạng, vì cán bộ: <i>Nắng cháy lưng – địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô</i></p> <p>+ Sáu câu còn lại: Nhớ về Việt Bắc là nhớ về cuộc sống, sinh hoạt kháng chiến một thời không thể nào quên.</p> <ul style="list-style-type: none"> • điệp từ <i>nhớ</i>-> Nhấn mạnh, khắc sâu vào nỗi nhớ . • Hàng loạt những hình ảnh, âm thanh thân quen: <i>tiếng mõ rừng chiều, chày đêm nện cối, tiếng suối xa, tiếng học i-tờ, ca vang núi đèo, đồng khuya đuốc sáng ...</i> → âm thanh thiên nhiên gọi hồn núi rừng Việt Bắc - âm thanh cuộc sống bình dị, ấm áp mà vui tươi... <p>⇒ Đoạn thơ thể hiện niềm vui của người cán bộ cách mạng với cuộc sống của người dân Việt Bắc: tuy khó khăn, gian khổ nhưng vẫn lạc quan, yêu đời.</p> <p>⇒ Thể hiện tình cảm nhớ thương da diết của tác giả về những năm tháng gắn bó với cuộc sống, con người Việt Bắc không thể nào quên.</p>	1.5

	<p>*Đánh giá:</p> <p>- Con người Việt Bắc bình dị, nghĩa tình, thủy chung cùng cuộc sống kháng chiến với bao tình cảm ấm áp, lạc quan trở thành ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn người đi.</p> <p>- Hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, sáng tạo, giàu sức gợi...</p> <p>b. Liên hệ bài thơ “Từ ấy”:</p> <p>+ Ghi dấu sự kiện Tố Hữu đứng vào hàng ngũ của Đảng, bắt gặp lý tưởng cách mạng</p> <p>+ Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bài thơ thể hiện niềm vui của người thanh niên trẻ tuổi khi được đứng vào hàng ngũ của Đảng • Nhà thơ tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với quần chúng lao khổ <p>+ Nghệ thuật: hình ảnh thơ tươi sáng, các biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu nhạc điệu.</p> <p>c.Đánh giá một vẻ đẹp trong phong cách thơ Tố Hữu:</p> <p>+ Hồn thơ Tố Hữu luôn hướng về tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc.</p> <p>+ Nghệ thuật:</p> <p>++ Giọng thơ tâm tình tự nhiên</p> <p>++ Hình ảnh gần gũi, giản dị, trong sáng</p>	1.0
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm	

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 15

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 4:

“Thế giới của chúng ta có muôn vàn điều thú vị để khám phá. Cho dù bạn đang ở độ tuổi nào, bạn cũng nên phá vỡ các giới hạn của nhận thức và luyện cho mình kỹ năng quan sát bằng cách ra khỏi nhà, ra ngoài thiên nhiên và chú ý tới mọi điều xung quanh. Hãy đặt cho bản thân những câu hỏi như: “Tại sao...?” Tại sao không...?” và thử tự tìm các câu trả lời hay sự trợ giúp của những người quen biết. Đừng bao giờ tự cao tự đại nói rằng: “Tôi biết hết rồi, anh/chị sẽ không chỉ cho tôi được điều gì mới đâu!”. Vì chỉ khi chúng ta nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học, chúng ta mới có thể bổ sung được nhiều kiến thức mới.

Hãy nghe nhạc cổ điển, đến thăm các viện bảo tàng và các phòng trưng bày nghệ thuật, hãy đọc sách về nhiều chủ đề khác nhau, hãy có những sở thích như khiêu vũ, chơi đàn, hội họa hay tập luyện một bộ môn thể thao. Dù bạn chọn cho mình một bộ môn nào đi nữa, bạn cũng nên theo học đến cùng và tìm hiểu không ngừng nghỉ cho đến khi đạt được kiến thức sâu sắc về lĩnh vực đó mới thôi. Đừng chỉ “chạm đến một lần rồi bỏ xó”. Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn. Biết đâu, trong một lần tò mò hay thắc mắc như vậy, bạn sẽ tìm ra được niềm đam mê cho bản thân. Có khát vọng khám phá và tìm tòi là một trong những động lực giúp bạn tiếp cận với thế giới và vươn ra biển lớn”

(Trích *Tìm kiếm niềm đam mê, Hộ chiếu xanh đi quanh thế giới*, Nhà xuất bản Thế giới, 2017, tr 17, 18)

Câu 1: Anh/chị hãy xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 2: Theo tác giả, vì sao “Đừng bao giờ tự cao tự đại nói rằng: “Tôi biết hết rồi, anh/chị sẽ không chỉ cho tôi được điều gì mới đâu!”? (0,5 điểm)

Câu 3: Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến: “Có khát vọng khám phá và tìm tòi là một trong những động lực giúp bạn tiếp cận với thế giới và vươn ra biển lớn”? (1,0 điểm)

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan niệm: “Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn”? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của niềm đam mê trong cuộc sống?

Câu 2 (5,0 điểm):

Anh chị hãy làm rõ sự khác nhau trong nội dung cảm xúc của nhân vật trữ tình qua hai đoạn thơ sau:

1. *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

(Trích *Tây Tiến* của Quang Dũng – in trong Ngữ văn 12 Tập một, NXBGD, 2008, tr. 88)

2. Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

(Trích *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử - in trong Ngữ văn 11 Tập hai, NXBGD, 2007, tr. 39)

Hết

ĐÁP ÁN MÔN NGỮ VĂN

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Câu 1: Phương thức biểu đạt: nghị luận.

Câu 2: Vì chỉ khi chúng ta nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học, chúng ta mới có thể bổ sung được nhiều kiến thức mới.

Câu 3:

- Khát vọng khám phá và tìm tòi giúp chúng ta có đủ động lực và sức mạnh để tiếp cận và nắm bắt thế giới.

- Khát vọng khám phá và tìm tòi giúp chúng ta tiến xa khỏi vị trí mà mình đang đứng để “*vuon ra biển lớn*”.

Câu 4:

- Đồng tình, nếu “*rèn luyện và củng cố trí tò mò*” để phục vụ những điều có ích cho bản thân và cộng đồng.

- Không đồng tình, nếu “*rèn luyện và củng cố trí tò mò*” để thỏa mãn những nhu cầu không trong sáng, không lành mạnh, không chính đáng.

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Đoạn văn có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.

- Lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức:

“Đam mê” là gì?	+ Niềm đam mê là sở thích ở mức độ cao và khát khao đạt được mục đích mà mình theo đuổi. + Những niềm đam mê tích cực luôn cần thiết cho tất cả chúng ta.	0,5 điểm
Biểu hiện của niềm đam mê?	+ Một vài lĩnh vực của niềm đam mê: say mê nghiên cứu khoa học kĩ thuật, say mê văn học nghệ thuật... + Biểu hiện của niềm đam mê: dồn tâm huyết và tình cảm cho niềm đam mê, luôn suy nghĩ và tìm cách để thực hiện, mong muốn và khát khao đạt được sở nguyện...	0,5 điểm

Ý nghĩa của niềm đam mê?	+ Con người không có đam mê sẽ mất đi nỗ lực để chinh phục những đỉnh cao. + Không có đam mê, con người sẽ đánh mất động lực để hoàn thành sở nguyện của bản thân. + Ca ngợi, tôn vinh những ai dám theo đuổi đam mê và đem đam mê của mình để phục vụ cộng đồng. Phê phán những kẻ yếu hèn đã sớm già từ đam mê khi gặp khó khăn, thử thách.	0,75 điểm
Bài học nhận thức và hành động?	+ Biết nuôi dưỡng đam mê lành mạnh và theo đuổi đam mê đến cùng. + Sống cần phải có đam mê mới có cống hiến cho đời.	0,25 điểm

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học ; vận dụng tốt các thao tác lập luận ; không mắc lỗi chính tả, dung từ, ngữ pháp. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở hiểu biết về tác giả, tác phẩm cùng với những cảm nhận sâu sắc về nội dung cảm xúc 2 đoạn thơ trích trong 2 bài *Đây thôn Vĩ Dạ* và *Tây Tiến*, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ các ý sau đây:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm

b) Làm rõ những nét khác nhau trong nội dung cảm xúc của nhân vật trữ tình qua hai đoạn thơ

b.1. Nội dung cảm xúc trong đoạn thơ của Quang Dũng là nỗi nhớ Tây Tiến - nhớ con đường hành quân trên núi rừng Tây Bắc

- Nỗi nhớ đó được khơi dòng khi nhà thơ đã rời xa sông Mã – con sông gắn bó với người lính Tây Tiến. Đó là nỗi nhớ ấy menh mang, đầy ắp, da diết và nó có khả năng mở ra một vùng hoài niệm.

- Nhớ con đường hành quân Tây Tiến là nhớ những địa danh xa lạ gắn với cái dữ dội, khắc nghiệt và cả cái vẻ thơ mộng của núi rừng Tây Bắc

- Từ nỗi nhớ Tây Tiến đã ta nhận ra tâm hồn lãng mạn của nhân vật trữ tình. Chính tâm hồn lãng mạn ấy đã giúp những người lính Tây Tiến vượt lên gian khổ hy sinh để chiến đấu và chiến thắng.

b.2. Nội dung cảm xúc trong đoạn thơ của Hàn Mặc Tử là những hoài niệm về thôn Vĩ – nơi có người tình trong mộng của nhà thơ.

- Hoài niệm thôn Vĩ được khơi dòng từ một câu hỏi mà tác giả tự phân thân để hỏi chính mình: *Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?* Câu hỏi vừa chứa đựng niềm ao ước được về thăm thôn Vĩ vừa thể hiện sự mặc cảm về hoàn cảnh hiện tại và khả năng thực hiện ao ước của mình.

- Từ trong dòng hoài niệm cảnh thôn Vĩ hiện ra với vẻ đẹp trong trẻo, đắm say; người thôn Vĩ duyên dáng, kín đáo, phúc hậu để lại trong lòng anh bao nhung nhớ.

- Lắng sâu trong bức tranh Vĩ Dạ ấy là cảm xúc đắm say mãnh liệt của nhân vật trữ tình khi nói về thôn Vĩ. Từ hoài niệm của nhân vật trữ tình, ta nhận ra đượm ra đượm một tâm hồn khait khao cái đẹp và đầy ắp tình ngýõli của nhà thơ.

c) Đánh giá chung:

- Hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ, hoài niệm của nhân vật trữ tình về một miền đất có nhiều kỉ niệm.

- Từ nội dung cảm xúc người đọc thấy được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình.

- Cách thể hiện nội dung cảm xúc của 2 nhà thơ rất tài hoa.

----- Hết -----

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 3 AN NHƠN

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017 – 2018

Bài thi môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 16

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Chỉ còn hơn một tháng nữa là con sẽ bước vào kỳ thi THPT quốc gia, con biết kỳ thi này sẽ đánh dấu một bước ngoặt lớn trong cuộc đời con. Tuy mẹ không nói ra nhưng con biết từ sâu thẳm trong lòng mẹ mong con sẽ có kết quả thật tốt để được một tấm vé vào trường Đại học Ngoại thương.

Mẹ luôn nói với con rằng, phải học thật giỏi, phải đỗ đại học thì sau này mới có công việc ổn định, mới có thể sống thật tốt và làm chủ cuộc đời mình. Nhưng mẹ ơi, theo thống kê mỗi năm có hàng trăm nghìn cử nhân ra trường và thất nghiệp chỉ vì “thừa thầy thiếu thợ”. Mẹ à, bằng cấp giống như một tấm vé để chúng ta bước lên một hòn đảo hoang nhưng có tồn tại được trên hòn đảo ấy không thì phải do năng lực và trí tuệ đúng không mẹ. Cuộc đời cũng vậy mẹ nhỉ? Chọn một nghề nghĩa là chọn cho mình một tương lai. Chọn nghề sai lầm là đặt cho mình một tương lai không thật sự vững chắc.

Trở thành một nhà đối ngoại kinh tế là ước mơ mà mẹ định hướng cho con và cũng là niềm tự hào của mẹ. Con biết khi con nói ra điều này mẹ sẽ sốc lắm. Thế nhưng mẹ ơi, mẹ nghĩ sao nếu con không nộp hồ sơ vào trường Đại học Ngoại thương như mẹ mong muốn mà con chọn học một trường nghề? Mẹ sẽ thất vọng vì con đúng không ạ? Chắc chắn là thế rồi bởi vì mẹ hy vọng ở con nhiều thế cơ mà. Con sẽ học nghề thay vì học đại học được không mẹ? Con muốn trở thành một người thợ lành nghề. Con thấy rằng, kinh tế càng phát triển thì nhu cầu về người thợ lành nghề càng cao. Trong khi mọi người chỉ đổ xô đi học đại học, lượng người đi học nghề rất ít. Thành một người thợ có lẽ cuộc sống sẽ vất vả hơn nhưng ít nhất con biết mình sẽ không thất nghiệp. Con sẽ tự lo cuộc sống của con và những người con yêu thương mẹ ạ. Con sẽ phấn đấu và nỗ lực để có những thành công của riêng con và không làm mẹ thất vọng. Và đương nhiên con vẫn là đứa con ngoan của mẹ.

	nặng nhọc thu nhập không được cao. (<i>Học sinh có thể có cách giải thích khác, miễn sao hợp lí, thuyết phục</i>)	
4	<p>HS có thể chọn nhiều cách trả lời sao cho thuyết phục, tuy nhiên hướng trả lời phù hợp là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng quan điểm với người con. - Vì: <ul style="list-style-type: none"> + Người con có bản lĩnh, đủ tuổi trưởng thành để tự quyết định cuộc đời của mình. + Đây là một người con rất yêu thương mẹ và có những nhìn nhận thấu đáo về thực tế cuộc sống. 	0,5 0,5
II	<p>LÀM VĂN</p> <p>1 Chọn nghề sai lầm là đặt cho mình một tương lai không thật sự vững chắc. Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.</p>	2,0
	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng 01 đoạn văn nghị luận xã hội, khoảng 200 chữ. - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	0,5
	<p>* Yêu cầu về nội dung: <i>Học sinh có thể nêu ý kiến của mình theo nhiều cách khác nhau, miễn ý kiến đó có sức thuyết phục, sau đây là một vài gợi ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu luận điểm chính của đoạn văn: chọn nghề phù hợp, vững chắc cho tương lai. - Triển khai luận điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Nghề nghiệp là công việc gắn với cuộc đời của mỗi người. Vì vậy lựa chọn nghề là mối quan tâm hàng đầu của thanh niên (học sinh), nó ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và vật chất của mỗi người. + Nếu lựa chọn đúng sẽ có cơ hội phát huy năng lực của bản thân. Nếu lựa chọn sai là đặt cho mình một tương lai không thật sự vững chắc. Vì vậy cần chủ động, sáng suốt khi đối diện với vấn đề quan trọng này. + Còn nhiều bạn trẻ chọn nghề theo xu hướng thời thượng; chọn nghề không phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích của mình; chọn nghề không gắn với nhu cầu xã hội;... Vì thế dẫn đến hiện tượng “thừa thầy thiếu thợ”, nhiều sinh viên ra trường không có việc làm, phải làm trái nghề... - Kết thúc: <p>Mỗi bạn trẻ cần có ý thức, suy nghĩ nghiêm túc khi chọn nghề. Nhà nước cần có những định hướng, giải pháp hợp lí để đáp ứng nhu cầu thực tế.</p> 	0,25 1,0 0,25

++ lạc quan, hướng về tương lai (sự thay đổi của Tràng sau khi có vợ, hiểu rõ hơn về hình ảnh đoàn người cướp kho thóc của Nhật, hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng kết thúc tác phẩm)

*Liên hệ với nhân vật Chí Phèo của Nam Cao trong “Chí Phèo”

+ Sơ lược vài nét về nhân vật Chí Phèo: số phận, bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người, cái chết đầy bi kịch.

+ Qua “Chí Phèo”, Nam Cao khái quát một hiện tượng xã hội phổ biến ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng: một bộ phận người dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hoá, lưu manh hoá.

*Nhận xét về tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn :

- Hai nhà văn đã gặp nhau ở giá trị văn chương chân chính: tư tưởng nhân đạo.

+ Tấm lòng yêu thương và sự đồng cảm với số phận của người nông dân.

+ Phát hiện và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân trong những hoàn cảnh khổ cực, bi thảm.

+ Tố cáo, lên án mạnh mẽ xã hội đương thời.

-> Kim Lân và Nam Cao là những cây bút tiêu biểu viết về tình cảnh người nông dân trước Cách mạng tháng Tám 1945.

3. Đánh giá:

- Kim Lân và Nam Cao là những cây bút tiêu biểu viết về tình cảnh người nông dân trước Cách mạng tháng Tám 1945. Với “Chí Phèo”, “Vợ nhặt” – tự những tác phẩm ấy đã nói lên giá trị của mình và với những giá trị đó, nó xứng đáng vào hàng ngũ những tác phẩm thành công nhất của văn học thời kì trước Cách mạng.

- Sự gặp của hai nhà văn chứng minh nhân đạo là một nội dung xuyên suốt trong văn học Việt Nam.

* **Sáng tạo:** Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

0,5

0,5

HẾT

BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KÌ THI THPT QUỐC GIA NĂM HỌC 2017 – 2018